

**NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG TRUNG BÀY  
TỔNG QUÁT BẢO TÀNG NÔNG NGHIỆP  
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

Năm 2023

**NỘI DUNG**  
**ĐỀ CƯƠNG TRƯNG BÀY TỔNG QUÁT**  
**BẢO TÀNG NÔNG NGHIỆP ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

\*\*\*\*\*

**CHỦ ĐẦU TƯ**  
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**  
**XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH**  
**DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP**  
**TỈNH VĨNH LONG**  
Giám đốc



**Lê Thanh Sơn**

Tp.HCM, ngày .25. tháng .12. năm 2023

**ĐƠN VỊ LẬP**  
**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ**  
**HỖ TRỢ GIÁO DỤC VĂN HÓA**  
**KIẾN TRÚC**

Giám đốc



**Nguyễn Thảo Phương**

<b>MỤC LỤC</b>	
<b>KHU VỰC 1: TRUNG BÀY THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>1</b>
<b>I. KHÔNG GIAN KHÁNH TIẾT</b>	<b>1</b>
<b>II. MỞ ĐẦU</b>	<b>1</b>
2.2. Giới thiệu tổng quan nông nghiệp các tỉnh ở ĐBSCL	
2.3. Trung tâm quảng bá sản phẩm nông nghiệp và Lễ hội	
<b>III. THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG</b>	<b>1</b>
3.1. Thiên nhiên ĐBSCL	
3.2. Con người - Nông dân	
<b>IV. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TẠI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG</b>	<b>2</b>
4.1. Nông thôn Thời kỳ đầu trước 1698 - Nền văn minh Óc Eo (trong đó có nông nghiệp) Phù Nam, Thủy Chân Lạp	
4.2. Nông thôn thời Nhà Nguyễn 1698-1858	
4.3. Nông thôn thời thuộc Pháp 1858-1954, Thời Quốc gia Việt Nam và Việt Nam Cộng Hòa 1954-1975.	
4.4. Nông thôn thời Hòa bình và thống nhất đất nước	
<b>V. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG</b>	<b>3</b>
5.1. Nông nghiệp - kỹ thuật canh tác, nuôi trồng trước 1698	
5.2. Nông nghiệp - kỹ thuật canh tác, nuôi trồng Thời Nhà Nguyễn 1698-1858.	
5.3. Nông nghiệp - kỹ thuật canh tác, nuôi trồng Thời thuộc Pháp 1858-1954, Thời Quốc gia Việt Nam và Việt Nam cộng hòa 1954-1975	
5.4. Nông nghiệp- kỹ thuật canh tác, nuôi trồng thời Hòa bình và thống nhất đất nước qua các thời kỳ	
<b>KHU VỰC 2</b>	<b>3</b>
<b>VI. CHUYÊN ĐỀ CÂY TRỒNG</b>	<b>3</b>

6.1. Cây lương thực	
6.2. Cây hoa màu	
6.3. Cây ăn trái	
6.4. Cây làm thuốc/ dược thảo	
6.5. Cây gia vị (chanh, hành, tỏi, ớt, gừng, sả, rau thơm các loại ...)	
6.6. Cây công nghiệp (đậu phộng, mía, thuốc lá, tiêu, dừa, cây đưng, mù u, trà, bông vải, keo, tre ,cây đay, cây gai, cây lác, cây ca cao...)	
6.7. Các cây hoa, cây kiểng, bon sai...	
6.8. Cây rừng tự nhiên: mấm, sú, cóc, giá, bần, vẹt đước, dừa nước...	
Kỹ thuật trồng, bảo tồn giống các loại cây tự nhiên bảo vệ rừng	
Khai thác, chế biến cây lâm nghiệp sử dụng phục vụ cho đời sống	
<b>VII. CHUYÊN ĐỀ CHĂN NUÔI</b>	5
7.1. Chăn nuôi gia súc gia cầm, con giống, kỹ thuật chăn nuôi, chế biến	
7.2. Nuôi trồng thủy sản: con giống, kỹ thuật nuôi và thu hoạch	
7.3. Khai thác, các loại bẫy săn bắt ngoài tự nhiên: ếch, nhái, lươn, cá, tôm chim, chuột...	
7.4. Bảo tồn động vật và các giống loài trong tự nhiên, cân bằng sinh thái trong các khu bảo tồn đa dạng sinh học	
<b>VIII. CHUYÊN ĐỀ PHỤ PHẨM SAU THU HOẠCH</b>	6
8.1. Phụ phẩm sau thu hoạch	
8.2. Công tác làm rạch ruộng đồng và chế độ nghỉ ngơi cho đất	
8.3. Sản xuất nông nghiệp an toàn, bền vững	
<b>KHU VỰC 3: VĂN HÓA</b>	6
<b>A. VĂN HÓA VẬT CHẤT TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP</b>	6
<b>IX. NHÀ Ở NÔNG THÔN</b>	6
9.1. Nhà ở của cư dân đầu tiên trước 1698 của thị cảng Óc Eo -Phù Nam và Thủy Chân lạp	
9.2. Nhà ở nông thôn Thời Nhà Nguyễn 1698-1858	
9.3. Nhà ở nông thôn Thời thuộc pháp và thời Quốc gia Việt nam và	

<p>Việt nam Cộng Hòa,1858-1975</p>	
<p>9.4. Nhà ở nông thôn từ 1975 - hiện nay</p>	
<p>X. TRANG PHỤC</p>	7
<p>10.1. Kiểu dáng trang phục của Người Việt, Người Khmer, Người Hoa, Người Chăm Islam.</p>	
<p>10.2. Chất liệu, màu sắc</p>	
<p>10.3. Thường phục đi làm ruộng, đi làm</p>	
<p>10.4. Lễ Phục: Lễ trọng, lễ cưới , lễ tang, lễ hội...</p>	
<p>10.5. Trang sức</p>	
<p>10.6. Trang phục trình diễn múa, hát, diễn họa của các dân tộc : Kinh, Khmer, Hoa, Chăm Islam.</p>	
<p>XI. ÂM THỰC</p>	7
<p>11.1. Câu chuyện ẩm thực trong vườn, ngoài ruộng của đồng bằng Sông Cửu Long , ý nghĩa của các món ăn của các dân tộc: Kinh, Khmer, Hoa, Chăm Islam.</p>	
<p>11.2. Tục Ăn trầu</p>	
<p>11.3. Các món ăn của các dân tộc</p>	
<p>11.4. Các nguyên vật liệu của món ăn: tươi, khô, muối, ...với các loại gia vị</p>	
<p>11.5. Cách chế biến món ăn của đồng bằng Sông Cửu Long</p>	
<p>11.6. Cách chế biến các loại mắm, nước mắm, nước tương, chao, muối...</p>	
<p>11.7. Các món tráng miệng: ...</p>	
<p>XII. PHƯƠNG TIỆN ĐI LẠI, THẮP SÁNG, KINH DOANH, TUYÊN TRUYỀN</p>	8
<p>12.1. Phương tiện đi lại trên mặt nước của Người Kinh, Khmer, Hoa, Chăm Islam</p>	
<p>12.2. Bến, Chợ, Vựa, Chành, Kho, Cầu Tàu, Bến tàu, cảng (nơi cập bến ghe, tàu)</p>	
<p>12.3. Phương tiện Giao thông trên bờ của Người Việt, Khmer, Hoa, Chăm Islam</p>	

12.4. Phương tiện đào kinh: Thủ công, xáng cạp, xáng múc, xáng thổi, Xà lan	
<b>XIII. CÁC NÔNG CỤ, NGƯ CỤ, CÔNG CỤ LAO ĐỘNG</b>	<b>10</b>
13.1. Nông nghiệp: nông cụ	
13.2. Nông cụ làm vườn cây ăn trái, hoa màu	
13.3. Khai thác hái lượm mùa nước nổi	
13.4. Ngư nghiệp- ngư cụ	
<b>XIV: CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM</b>	<b>13</b>
14.1. Chăn thả: gà ta, vịt chạy đồng	
14.2. Chăn nuôi trong chuồng, trại	
14.3. Kỹ thuật chăn nuôi và chế biến	
14.4. Các hình thức khác	
<b>XV. NUÔI TRỒNG THỦY SẢN</b>	<b>14</b>
15.1. Nuôi trong ao, đầm, hồ: cá ba sa, tôm càng, cua, lươn, ếch, ốc, cá kèo...	
15.2. Nuôi bè trên sông, rạch	
15.3. Nuôi bè trên biển: Hàu, ngọc trai	
15.4. Nuôi trên bãi bồi, sân bãi: các loại Sò, ốc ,nghêu...	
15.5. Nuôi tôm, cá quảng canh trong ruộng lúa	
15.6. Nuôi tôm công nghiệp: tôm thẻ chân trắng, tôm sú...	
<b>XVI: CÁC NGÀNH NGHỀ TRONG NÔNG NGHIỆP</b>	<b>14</b>
16.1. Nghề nông:	
16.2. Nghề thủ công nghiệp:	
16.3. Nghề thủ công mỹ nghệ:	
16.4. Nghề chế biến thực phẩm:	
16.5. Các làng nghề ở nông thôn:	
16.6. Chợ mùa nước nổi	
<b>XVII. TIỀN TỆ TRONG GIAO THƯƠNG</b>	<b>20</b>

B. VĂN HÓA TINH THẦN	21
XVIII. ĐỜI SỐNG TINH THẦN	21
18.1. Tín ngưỡng, tôn giáo của cư dân vùng Đồng bằng Sông Cửu Long	
18.2. Tôn giáo	
18.3. Trò chơi dân gian, giải trí: cầm , kỳ , thi , họa	
18.4. Văn học nghệ thuật	
XIX: TRUNG BÀY KHO MỎ	32
19.1. Mục đích, chức năng	
19.2. Nội dung trung bày	
19.3. Yêu cầu về phương tiện, thiết bị	
KHU VỰC 4: TRUNG BÀY CÓ THỜI HẠN	33
XX. TRUNG BÀY CÓ THỜI HẠN	33
20.1. Mục đích, chức năng	
20.2. Nội dung trung bày	
20.3. Yêu cầu về phương tiện, thiết bị: Hiện đại, gọn, nhẹ để dễ dàng trung bày, di chuyển.	
KHU VỰC 5: KHU VỰC NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	33
XXI. NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN	33
21.1. Mục đích, chức năng của nghiên cứu, phát triển nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long:	
21.2. Nội dung nghiên cứu sông Mê Kông	
21.3. Yêu cầu về phương tiện, thiết bị của khu vực nghiên cứu phát triển	
KHU VỰC 6: TRUNG BÀY NGOÀI TRỜI	34
XXII. TRUNG BÀY NGOÀI TRỜI – KHU VỰC “BẢO TÀNG SỐNG” TRUNG BÀY NGOÀI TRỜI	34
22.1. Dự kiến nội dung hoạt động khu hoạt động trải nghiệm cảnh đồng quê mang tính giáo dục	

22.1.1 HOẠT ĐỘNG BAN NGÀY	
22.1.2 HOẠT ĐỘNG BAN ĐÊM	
22.2. Khu trải nghiệm nông nghiệp: Kết hợp với tour du lịch và homestay	
22.3. Khách tham gia các hoạt động trải nghiệm ngủ, nghỉ, ẩm thực	
22.4. Thi chọn đạt giải vương miện từng mùa theo từng Hội thi	
<b>XXIII. CÁC YÊU CẦU KHÁC CHO NỘI THẤT HIỆN VẬT TRUNG BÀY:</b>	<b>37</b>
23.1. Mục đích, chức năng của khu trưng bày ngoài trời	
23.2. Trưng bày định kỳ	
23.3. Xây dựng và vận hành các khu dịch vụ	
<b>XXIV. SƯU TẬP CỔ VẬT (dự kiến)</b>	<b>37</b>
Các đề xuất sưu tập trong tương lai phục vụ trưng bày	
<b>SÁCH ĐÃ DẪN CỦA ĐỀ CƯƠNG TRUNG BÀY BẢO TÀNG NÔNG NGHIỆP ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG</b>	<b>40</b>

# **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG TỔNG QUÁT**

## **KHU VỰC 1: TRUNG BÀY THƯỜNG XUYÊN**

### **I. KHÔNG GIAN KHÁNH TIẾT**

### **II. MỞ ĐẦU**

#### **2.1. Bản đồ hành chính, tự nhiên 13 tỉnh ĐBSCL**

#### **2.2. Giới thiệu tổng quan nông nghiệp các tỉnh ở ĐBSCL**

2.2.1. Long An

2.2.2. Đồng Tháp

2.2.3. Tiền Giang

2.2.4. Bến Tre

2.2.5. Vĩnh Long

2.2.6. Trà Vinh

2.2.7. An Giang

2.2.8. Cần Thơ

2.2.9. Hậu Giang

2.2.10. Sóc Trăng

2.2.11. Kiên Giang

2.2.12. Bạc Liêu

2.2.13. Cà Mau.

2.3. Trung tâm quảng bá sản phẩm nông nghiệp và Lễ hội

### **III. THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI ĐÔNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

#### **3.1. Thiên nhiên ĐBSCL**

3.1.1. Địa chất khoáng sản

- 3.1.2. Khí hậu - thủy văn
- 3.1.3. Hệ sinh thái nước ngọt
- 3.1.4. Hệ sinh thái nước lợ
- 3.1.5. Hệ sinh thái nước mặn
- 3.1.6. Hệ sinh thái Đồng Tháp Mười
- 3.1.7. Hệ sinh thái Tứ giác Long Xuyên

### **3.2. Con người - Nông dân**

3.2.1. Văn hóa sản xuất - (Văn hóa vật chất: Ăn, mặc, ở, phương tiện đi lại, phương tiện sản xuất của Người Kinh, Người Khmer, Người Hoa và Người Chăm Islam.

3.2.1.1. Thời kỳ đầu trước 1698 - cư dân sớm của vùng đất ĐBSCL

3.2.1.2. Nông dân- thời kỳ thứ 2 / Thời Nhà Nguyễn 1698-1858

3.2.1.3. Nông dân- thời kỳ thứ 3/ Thời thuộc Pháp 1858-1954 và Thời Quốc gia Việt nam và Việt nam cộng hòa 1954-1975

3.2.1.4. Nông dân- thời Hòa bình và thống nhất đất nước

3.2.1.5. Nông dân - hiện tại và tương lai

3.2.2. Văn hóa tinh thần- phong tục tập quán và nề nếp phong hóa cộng đồng

Sinh hoạt cộng đồng, tập tục tín ngưỡng, tôn giáo, trò chơi dân gian, nghệ thuật biểu diễn: ca, múa, trò diễn sân khấu

Văn học nghệ thuật, mỹ thuật của Người Kinh, Người Khmer, Người Hoa và Người Chăm Islam.

### **3.3. Danh nhân Đồng bằng Sông Cửu Long**

Danh nhân nhiều lĩnh vực: Yêu nước, Sĩ, Nông, Công, Thương.

## **IV. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TẠI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

**4.1. Nông thôn Thời kỳ đầu trước 1698 - Nền văn minh Óc Eo (trong đó có nông nghiệp) Phù Nam, Thủy Chân Lạp**

**4.2. Nông thôn thời Nhà Nguyễn 1698-1858**

**4.3. Nông thôn thời thuộc Pháp 1858-1954, Thời Quốc gia Việt Nam và Việt Nam Cộng hòa 1954 - 1975**

#### **4.4. Nông thôn thời Hòa bình và thống nhất đất nước**

1975-1986: Nông thôn Thời bao cấp

1986-2010: Nông thôn Thời đổi mới (Dấu ấn Thủ tướng Võ văn Kiệt)

2010-2025: Nông nghiệp Thời phát triển

2025- 2050: Nông nghiệp Hướng đến tương lai

### **V. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

Đặc điểm của Nông nghiệp: Nước, phân, cần, giống.

Đặc điểm của Nông nghiệp ĐBSCL: Giống, phân, cần, nước.

Các chính sách nông nghiệp qua các thời kỳ:

5.1. Chính sách Nông nghiệp - kỹ thuật canh tác, nuôi trồng trước 1698.

5.2. Chính sách Nông nghiệp- kỹ thuật canh tác, nuôi trồng Thời Nhà Nguyễn 1698-1858.

5.3. Chính sách Nông nghiệp- kỹ thuật canh tác , nuôi trồng Thời thuộc Pháp 1858-1954, Thời Quốc gia Việt nam và Việt nam cộng hòa 1954-1975.

5.4. Chính sách Nông nghiệp- kỹ thuật canh tác, nuôi trồng thời Hòa bình và thống nhất đất nước qua các thời kỳ:

1975-1986: Nông nghiệp -kỹ thuật canh tác, nuôi trồng thời Thời bao cấp.

1986-2010: Nông nghiệp -kỹ thuật canh tác, nuôi trồng thời Thời mở cửa đổi mới. Dấu ấn Thủ tướng Võ văn Kiệt:

Tư duy chiến lược, chính sách nông nghiệp đột phá.

Điện khí hóa trong nông nghiệp - đường dây 500 KVA Bắc -Nam.

Cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau

2010-2025: Nông nghiệp- kỹ thuật canh tác, nuôi trồng thời phát triển

Hiện đại hóa nông nghiệp

2025- 2050: Nông nghiệp- kỹ thuật canh tác, nuôi trồng thời tương lai

Nông nghiệp phát triển bền vững

### **KHU VỰC 2 : TRUNG BÀY CHUYÊN ĐỀ**

#### **VI. CHUYÊN ĐỀ CÂY TRỒNG**

##### **6.1. Cây lương thực**

Cây lương thực của đồng bằng sông Cửu Long: Lúa nước, Nếp, Bắp, Khoai lang.

(Phụ lục danh sách, hình ảnh của hơn 4000 loại giống lúa, nếp, các giống bắp, các loại khoai lang ở đồng bằng Sông Cửu Long).

Kỹ thuật Bảo quản, chế biến cây lương thực

## **6.2. Cây hoa màu**

Các loại cây hoa màu : ăn củ, ăn lá, cây lấy hạt, cây lấy rễ, cây lấy trái...

Các loại cây mọc tự nhiên ăn được.

-Kỹ thuật Bảo quản, chế biến cây hoa màu

Phụ lục danh mục và hình ảnh các loại cây hoa màu ở đồng bằng Sông Cửu Long

## **6.3. Cây ăn trái**

Loại ngắn ngày

Loại dài ngày

Trái cây đặc sản

Cây ăn trái ngoài tự nhiên : Cà na, bần, giác, trâm...

Kỹ thuật bảo quản, chế biến, đóng gói các loại trái cây

Phụ lục danh mục và hình ảnh các loại cây ăn trái ở đồng bằng Sông Cửu Long

## **6.4. Cây làm thuốc/ dược thảo**

Loại ngắn ngày

Loại dài ngày

Cây thuốc ngoài tự nhiên

Phụ lục danh mục và hình ảnh các loại dược thảo, cây thuốc ở đồng bằng Sông Cửu Long

Kỹ thuật Bảo quản, chế biến dược thảo và bảo tồn các giống cây thuốc quý ngoài thiên nhiên

## **6.5. Cây gia vị : chanh, hành, tỏi, ớt, gừng, sả, rau thơm các loại ...**

Kỹ thuật bảo quản, chế biến các loại gia vị

Phụ lục danh mục và hình ảnh các loại cây gia vị, rau thơm ở đồng bằng Sông Cửu Long

**6.6. Cây công nghiệp:** đậu phộng, mía, thuốc lá, tiêu, dừa, cây đưng, mù u, tràm, bông vải, keo, tre, cây đay, cây gai, cây lác, cây ca cao...

Phụ lục danh mục và hình ảnh các loại cây công nghiệp ở đồng bằng Sông Cửu Long

### **6.7. Các cây hoa ,cây kiểng ,bonsai...**

Kỹ thuật chăm sóc, cấy ghép lai tạo các giống hoa, tạo dáng cây kiểng, bonsai ở đồng bằng Sông Cửu Long

Phụ lục danh mục và hình ảnh các loại cây hoa, cây kiểng ở đồng bằng Sông Cửu Long

### **6.8. Cây rừng tự nhiên: mắm, sú, cóc, giá, bần, vẹt đước, dừa nước...**

-Kỹ thuật trồng, bảo tồn giống các loại cây tự nhiên bảo vệ rừng

### **6.9. Khai thác, chế biến cây lâm nghiệp sử dụng phục vụ cho đời sống.**

### **6.10. Trồng cây gây rừng, bảo vệ và khai thác bền vững**

## **VII. CHUYÊN ĐỀ CHĂN NUÔI**

### **7.1. Chăn nuôi gia súc gia cầm, con giống, kỹ thuật chăn nuôi, chế biến**

Chăn thả tự nhiên: gà thả, vịt chạy đồng

Chăn nuôi trong chuồng, trang trại: gà vịt, heo, dê, trâu , bò...

### **7.2. Nuôi trồng thủy sản: con giống, kỹ thuật nuôi và thu hoạch**

#### **7.2.1. Nuôi trồng quảng canh trong tự nhiên**

Tôm và lúa

Cá và lúa

Rừng và tôm, cá

Nuôi trồng tôm càng xanh, cá vào mùa nước nổi trên đồng

#### **7.2.2. Tôm, cá nuôi công nghiệp, bán công nghiệp**

Bán công nghiệp trong ao, hồ, đầm

Nuôi lồng bè trên sông, rạch

Nuôi sò, nghêu, ốc trên bãi bồi ngoài biển, cù lao.

Nuôi tôm, cá công nghiệp trong trang trại với các thiết bị máy móc

Kỹ thuật nuôi thủy hải sản, bảo quản ,đóng gói và thương phẩm.

### **7.3. Khai thác, các loại bẫy săn bắt ngoài tự nhiên: ếch, nhái, lươn, cá, tôm chim, chuột...**

### **7.4. Bảo tồn động vật và các giống loài trong tự nhiên, cân bằng sinh thái trong các khu bảo tồn đa dạng sinh học**

(Cọp, Beo, Loài khi, Heo rừng, nai, chim, cá sấu, rái cá, các loại rùa, rắn, cá, ốc, các loại côn trùng, các loại lưỡng thê, bò sát và thủy hải sản)

## **VIII. CHUYÊN ĐỀ PHỤ PHẨM SAU THU HOẠCH**

### **8.1. Phụ phẩm sau thu hoạch**

Phụ phẩm cây lúa, cây hoa màu = làm nấm, thức ăn gia súc, làm chất đốt, phân hữu cơ

Phụ phẩm gia súc, gia cầm = biogas, làm phân hữu cơ

Phụ phẩm ngành thủy sản = dầu cá, phân bón hữu cơ

Phụ phẩm ngành lâm nghiệp = làm giấy, phân hữu cơ, làm chất đốt.

### **8.2. Công tác làm rạch ruộng đồng và chế độ nghỉ ngơi cho đất**

### **8.3. Sản xuất nông nghiệp an toàn, bền vững**

## **KHU VỰC 3: VĂN HÓA**

### **A. VĂN HÓA VẬT CHẤT TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

## **IX. NHÀ Ở NÔNG THÔN**

### **9.1. Nhà ở của cư dân đầu tiên trước 1698 của thị cảng Óc Eo -Phù Nam và Thủy Chân Lạp**

Kiểu dáng nhà ở và công năng sử dụng

Vật liệu

Phong cách, trang trí nhà ở của Thời Óc Eo và Thủy Chân Lạp

### **9.2. Nhà ở nông thôn Thời Nhà Nguyễn 1698-1858**

Kiểu dáng nhà ở và công năng sử dụng

Vật liệu

Phong cách, trang trí nhà ở Người Việt, Người Khmer, Người Hoa, Người Chăm Islam.

### **9.3. Nhà ở nông thôn Thời thuộc pháp và thời Quốc gia Việt Nam và Việt Nam Cộng Hòa, 1858-1975**

Kiểu dáng nhà ở nông thôn và công năng sử dụng

Vật liệu

Phong cách, trang trí nhà ở Người Việt, Người Khmer, Người Hoa, Người Chăm Islam.

### **9.4. Nhà ở nông thôn từ 1975 - hiện nay**

Kiểu dáng nhà ở nông thôn và công năng sử dụng

Vật liệu

Phong cách, trang trí nhà ở Người Việt, Người Khmer, Người Hoa, Người Chăm Islam từ 1975 - hiện nay.

## **X. TRANG PHỤC**

**10.1. Kiểu dáng trang phục** của Người Việt, Người Khmer, Người Hoa, Người Chăm Islam.

**10.2. Chất liệu, màu sắc**

**10.3. Thường phục** đi làm ruộng, đi làm

**10.4. Lễ Phục:** Lễ trọng , lễ cưới , lễ tang, lễ hội...

**10.5. Trang sức:** Nón, gậy, trang sức, giỏ xách, khăn quàng... vòng cổ, bông tai, lắc, vòng bằng nhiều chất liệu: vàng bạc, đồng ,thạch anh...( hiện vật của văn hóa Óc Eo- Phù Nam rất nổi bật)

**10.6. Trang phục trình diễn :** múa, hát, diễn họa của các dân tộc: Kinh, Khmer, Hoa, Chăm Islam.

10.6.1. Trang phục trình diễn múa, hát, diễn họa của dân tộc Kinh: Trang phục trò lễ cúng đình, xây châu đại bội, hát bội, ca ra bộ, cải lương...

10.6.2. Trang phục trình diễn Người Khmer: Dù Kê, Rô Băm, Riềm Kê, A Day, trống Sa dăm, múa Răm vông... và bộ mặt nạ dân gian trong trình diễn của Người Khmer

10.6.3. Trang phục trình diễn của Người Hoa : Ca kịch Triều Châu, Hồ Quảng.

10.6.4. Trang phục trình diễn múa trống của Người Chăm Islam .

## **XI. ĂM THỰC**

**11.1. Câu chuyện ẩm thực** trong vườn, ngoài ruộng của đồng bằng Sông Cửu Long, ý nghĩa của các món ăn của các dân tộc: Kinh, Khmer, Hoa, Chăm Islam.

**11.2. Tục Ăn trâu**

**11.3. Các món ăn của các dân tộc**

Các món ăn thời khẩn hoang

Món ăn hàng ngày

Món ăn đi làm đồng

Món ăn Lễ Tết, cúng Giỗ, Cúng chùa, Cúng Đình, đám hỏi, đám cưới ...

**11.4.Các nguyên vật liệu của món ăn:** tươi, khô, muối ... với các loại gia vị .

Các món chay

Các món mặn

Các món khô

Các món mắm

**11.5.Cách chế biến món ăn của đồng bằng Sông Cửu Long .**

Nấu: cơm ,cơm nếp, cháo...

Nướng: nướng trui, nướng vỉ , nướng lá chuối, đất sét...

Luộc : Khoai, rau, củ

Hấp , chưng : Cá, mắm

Kho : Kho lạt, kho mặn, kho tộ , kho mận , kho rệu, kho tàu ...

Chiên, xào : chiên giòn, chiên vừa

Canh : canh ngọt, canh chua, canh ngót

Hầm: xương, rau củ, thịt, đậu...

**11.6.Cách chế biến các loại mắm, nước mắm, nước tương, chao, muối...**

**11.7.Các món tráng miệng:** các loại bánh kẹo, chè các loại, kẹo các loại, nước uống, trái cây các loại ,mứt , rau câu/đông sương ...

**11.8. Khai thác mật ong tự nhiên:** lấy sáp thắp đèn và làm thuốc .

## **XII. CÁC PHƯƠNG TIỆN: ĐI LẠI, THẮP SÁNG,TUYÊN TRUYỀN, KINH DOANH**

### **12.1. Phương tiện đi lại trên mặt nước của Người Kinh, Khmer, Hoa, Chăm Islam**

12.1.1.Các loại ghe ,xuồng, tàu:

Xuồng chèo tay, gấn máy, vỏ lãi, tắc ráng ... chỉ đi trong sông, rạch. Các loại Xuồng : xuồng 3 lá, xuồng chèo, xuồng chống, xuồng composit, xuồng năm quăng.

Ghe có động cơ, gấn máy: kohler, đuôi tôm, máy tàu... đi trên sông, biển.

Các loại ghe: Ghe bầu, ghe bầu nóc, ghe hàng, Ghe Cần Đước, Ghe Kiên Giang, Ghe Bến Tre, Ghe Vĩnh Long, Ghe Bạc Liêu, Ghe Cà Mau, Ghe Chăm Islam, Ghe ngo, Ghe chài Nam vang, Ghe cà vom, ghe đục ,Ghe hầu, ghe điệu, ghe son, ghe lê, Ghe rỗi ( ghe cá ), ghe tam bản, ghe be, Ghe lồng, Ghe cui, Ghe lườn, Ghe buồm, ghe giàn, Ghe chở lúa, ghe chở trái, ghe mắm, ghe giã, ghe chài, ghe vó, ghe hàng, ghe câu, ghe lưới ghe, ghe lưới đèn, ghe lưới rê, ghe cào, chęc, vỏ lãi, tắc ráng, ghe đua, ghe trể ( đi bắt tôm)...

Các loại tàu, ca nô : Tàu đò, tàu khách, Sà- lúp (Chaloupe) , tàu hàng, xà lan ,ca nô, bo bo

Loại khác : Bấc (bac), Phà, thuyền bát nhã (đạo Cao đài)

Cầu kéo: kéo ghe, xuồng vượt đê, đập...

Phụ lục danh mục và hình ảnh các loại ghe, xuồng ,tàu ở đồng bằng sông Cửu Long.

12.1.2.Vẽ mắt ghe, thuyền ở Đồng Bằng Sông Cửu Long

12.1.3. "Luật đưng thủy xưa" do Nghi Biều hầu Nguyễn Cư Trinh soạn thảo ở Đồng Bằng Sông Cửu Long

**12.2. Bến, Chợ , Vựa, Chành, Kho, Cầu Tàu, Bến tàu, cảng** (nơi cập bến ghe, tàu)

Bến ghe, bến nước: bằng cây gỗ ở chợ, ở trước nhà, nơi lên xuống ghe, xuồng.

Cầu tàu: nơi neo đậu của các tàu hàng, ca- nô (Canots) Xà lúp (Chaloupe) tàu thủy, sà lan.

Bến bấc, bến phà : nơi cho các phà cập bến và các phương tiện lên xuống vào phà, bấc.

**12.3. Phương tiện Giao thông trên bờ của Người Việt, Khmer, Hoa, Chăm Islam**

12.3.1. Cộ trâu

Cộ trâu: Loại 1 trâu

Loại 2 trâu: có một dây đôi để hai trâu đứng hai bên .

Lòì trâu: Cái cộ thay bằng ghe lớn hoặc xuồng để vận chuyển đồ. Một hoặc 2 trâu kéo để di chuyển những nơi có luồng lạch cố định, nước quá cạn mà ghe không đi được.

Thét đường: kỹ thuật “ mở đường” bằng đàn trâu để phục vụ việc vận chuyển khi nước cạn đồng

12.3.2. Xe bò: xe bánh gỗ, xe bánh hơi

12.3.3. Xe ngựa: xe ngựa thổ mộ, xe ngựa kiếng

12.3.4. Xe đạp, Xe lòì đạp, Xe đẩy, Xe lòì kéo, xe ba gác đạp

12.3.5.Xe động cơ gắn máy: Xe gắn máy, xe ba gác máy, xe lòì máy

12.3.6. Xe lửa,: tuyến Sài gòn Mỹ Tho và kế hoạch mở rộng tuyến xe lửa Miền Tây.

12.3.7. Các phương tiện vận chuyển lương thực, hoa màu trên bộ :

Xe máy thò trái cây, xe hàng bông, xe máy cày, xe lam, xe tải, ...

**12.4. Phương tiện đào kinh: Thủ công, xáng cạp, xáng múc ,Xáng thối, Xà lan**

**12.5. Phương tiện thắp sáng, lấy lửa**

12.5.1: Phương tiện lấy lửa :

-Đá lửa

-Con cúi rom,

- Diêm

-Hộp quẹt,

-Bật lửa

12.5.2.Các loại đèn thấp sáng :

- Đuốc lá dừa , đuốc tre...

-Đèn cây, đèn lồng

- Đèn dầu ( dầu hữu cơ : dầu thực vật , mỡ động vật ( mỡ cá) chân đèn ... có tim đốt trực tiếp ( đèn không có chụp ), bằng nhiều chất liệu : đồng, sắt, thủy tinh, gốm ,sành ,gỗ , pha lê

-Đèn đốt dầu vô cơ (đèn dầu lửa): đèn huê kỳ, đèn hột vịt, đèn măng sông, đèn bão... bằng nhiều chất liệu : đồng, sắt, thủy tinh, gốm ,sành ,gỗ , pha lê...

-Đèn điện : dây tóc, đèn neon, đèn Led, đèn năng lượng mặt trời

12.6. Phương tiện tuyên truyền:

-Mõ, loa, nhắn tin, tín hiệu, radio, điện thoại....

### **XIII.CÁC NÔNG CỤ, NGƯ CỤ, CÔNG CỤ LAO ĐỘNG**

#### **13.1. Nông nghiệp: nông cụ**

##### 13.1.1. Làm đất

Các loại Phẳng, Cây cù nèo, Con trâu, Cái cày, Cái bừa, Cái trục: trục khía ( trục trái khế), trục chông, trục tròn

Các loại cuốc, xẻng : Leng, xuồng, Gàu xúc đất, xẻng xúc đất, cái trang ,các loại cuốc ..

##### 13.1.2. Gieo mạ, nhổ mạ, cấy

Thúng, dây bó mạ, đòn xóc, ván mạ, kẹp mạ, giường mạ, ghế mạ, Dao bứng lúa, Các loại nọc cấy, Cây móc dặm lúa

##### 13.1.3.Nông cụ tưới tiêu:

Gàu dai, Gàu sông, Xa quạt nước, Xe đập nước, thùng vôi, máy bơm nước

##### 13.1.4. Nông cụ ra hạt / thu hoạch lúa:

Vòng hái, lưỡi hái, lưỡi liềm: lưỡi liềm tay trái, lưỡi liềm tay phải, cái tầm gặt ,tầm cắt v.v...

#### 13.1.5. Nông cụ tách và làm sạch lúa:

Cái cộ đập lúa, Đập bò, Cây nài kẹp lúa, vắn chạc / néo, mỏ sảy, vò đập lúa, thang bò, thùng tuốt lúa, ghế đập lúa, đáy bò đập lúa, cái sảy, cái Xĩa, cái cang, thùng quạt giê lúa , chiếu quạt Xa quạt gió, Cối xay lúa, má xay xát và lau bóng gạo, cối và chày giã gạo.

#### 13.1.6. Nông cụ cân, đo:

Các loại cân: Cân xách, Cân nhíp, Cân đòn, cân tạ (cân búng), cân đĩa, cân bàn, cân tiểu ly, cân đồng hồ...

Đong lúa: Hộc, vuông, thặng, hiệp, thùng giạ, thùng quan, Táo, Lít, Lon

Đo, đếm: Đôi gióng, đôi choàng, cái thúng, cái tưng bàng tròn, cây đòn gánh, Bò lúa, Bò cà tãng, thè, bàn tính gỗ, máy tính

#### 13.1.7. Nông cụ phơi, sấy, bảo quản lúa:

-Sân đất nện quét phân trâu

Xa quạt gió- Cái nia- Cái xĩa- Cái sàng- Cái Giùm/giần, cái đệm, cái lưới

Mê bò ( quét phân trâu ) Tháp đựng lúa , tháp sấy lúa , lò sấy lúa, các loại bao bì đựng lúa, gạo .

### **13.2.Nông cụ lên liếp, làm vườn cây ăn trái, hoa màu**

Dao yếm, Dao chành chét, Dao phay, Cây chọc lỗ, Bừa cào, Mác, Rựa, Búa ,Các loại Cưa

Chàng đục, thùng nhận đất, Gàu xúc đất, leng

Các kiểu lồng hái trái cây, thang, giỏ bội, cần xé

Cân, đếm trái cây, hoa màu: chục , thiên ,trái , kg, tấn v.v...

### **13.3.Khai thác hái lượm mùa nước nổi**

Mùa nước nổi: Lúa trời , lúa nổi, lúa ma: gặt lúa trời

Phụ lục: Danh sách và hình ảnh các loại Lúa nổi ở Đồng Tháp Mười

Nhổ ngó sen, hái sen, nhổ bông súng, nhổ hẹ nước , hái bông điên điển, hái rau mác, nhổ bồn bồn, củ co, củ ấu, củ năng...

### **13.4. Ngư nghiệp- ngư cụ**

Đánh bắt không dụng cụ : Mò cua, bắt ốc, Giậm cù bắt cá, Đào, xắn đất bắt cá chạch, Đập cá kèo, Bắt cá trong hang, Bắt lịch, lươn, cua còng ...Bắt hàm , đắp tàu

#### 13.4.1.Ngư cụ nội đồng: Đánh bắt cá, tôm tép

*a.Ngư cụ chụp :*

Các loại chài: Chài chụp, Chài quăng, Chài Rê

Nơm cá, chụp nhái.

*b.Ngư cụ loại quây, xúc nội đồng:* Rủ xúc, Dậm cá lia thia, Xĩa xúc hén, Xĩa xúc cá ( cái trường) , Xúc ụ cò-Ky xúc cá, Xà nel ( xà neng), vọt cá, vọt ốc, vọt tôm, , vọt tép...

*c. Ngư cụ bẫy:*

Lọp cá bông, Lọp cá lóc, Lọp bôn, Lọp cá chạch, Lọp tép, Lọp lòng tong, Lọp rào / Lọp chà, chà rào, Lọp cá linh, Lọp rọng, lọp trống com (cái leo), lọp Tù, lọp hộp (Lọp vuông ) , lọp cá chột, lọp tôm ( búng) , lọp ếch

Lờ: Lờ cá sặc, lờ tôm, lờ cua, lờ con cúm...

Xà ngôn (cái thời), Xà ngôn tép gạo, Xà búp , Xà no, Bôn cá chột, Giệp-Lú, Xà di ( Trà di) chuyên bắt cá rô, cá sặc, Bung( Bôn ) bắt cá trê, Ống trúm lươn

*d.Ngư cụ di chuyển:* Câu rê, Câu nhấp, Câu thọt (câu thụt), câu cá rô, Câu cá trê, Câu nhíp, câu ngâm cá lóc, câu nhấp vịt, câu nhấp ếch, Câu cấm, Cấm câu ếch, Cấm câu lươn...

*e.Ngư cụ sát thương:* Chĩa lươn, Bò cào lịch, Bò cào cá chạch, Bò cào nghêu, Càn nghéo ếch (thăng, khoan) Càn nghéo cua, Chĩa (chĩa hai, ba ,chĩa tư, năm) Xà búp, Cây bắt, Súng chĩa, Chĩa xom lươn, Chĩa xom cá chạch.

*f.Ngư cụ trên sông, rạch:* Đãng, đó, Đãng mé, Nò, Dón, Rọ, Đụt rọng cá , cào hén có răng, cào hén không răng, cào ốc gạo, cào cá chạch

*g.Ngư cụ đẩy:* Te- nhủi, Chong, Xiệp, Kéo Côn, Câu kiều

*h.Các loại Chà :* Chà mừng, Chà cặm, Chà nhánh, Chà Bò / Chà bò ( Chà cộ), Rù

*i.Các loại Vó:* Vó trên ghe: ghe vó (di chuyển), Vó cát/Vó càn/ Vó cầu/ Vó đập Vó bẫy (cố định vị trí trên bờ), Vó cầm tay, Rớ, Vó hứng, Vó gạt/ vó trâm, Vó cua ( nhá cua), vó chụp cá sặc, vó chụp tép.

*k. Các loại lưới :*

Lưới kéo, Lưới cào, lưới vây, lưới rùng: Lưới kéo (cần chong), Lưới vây( lưới giựt), Chài Rà (Nèm), Lưới rùng (bao chà) , Lưới phèo( Lưới nổi- Lưới bén/ Lưới rê- Lưới Ba lớp-Lưới rê cố định tầng đáy- Lưới rê trôi / lưới trôi-Lưới chụp -Lưới thẹ -Lưới cá bông lau , Lưới Cào dếp( Cào Thái, Cào gọng) Cào Khung ( cào Việt)

*m.Ngư cụ trên bãi bồi:* Sạt sò, đi mong, vòng cá kèo, vòng cá thòi lòi, cào nghêu thịt, cào nghêu giống, cào chem chếp, Cào ốc Viêt, cào sò huyết thịt, Cào sò huyết giống, cào sò thịt...v.v

*n.Ngư cụ cửa sông, ven biển:* Lưới quàng ( Lưới cá hô), Lưới đánh, Lưới giã cào

*o. Ngư cụ thu động cửa sông, ven biển:* Đóng đáy ( Lưới túi ) , Đáy cá tra bột, Đáy cá linh, Đáy ruốc, Đáy rạo, đáy sáu, Đáy hàng khơi (đáy song cầu ) -Đáy nhỏ trong sông

*p. Ngư cụ đi biển:*

-Lưới: lưới dầm, lưới gộc, lưới bộ, lưới cá đường, lưới bùa, lưới chồng, màn, lưới gỗ, lưới xi, lưới giã một, giã đôi, lưới ba, lưới tư, lưới năm, lưới mười, lưới kéo thôn, lưới lặn, lưới quây, lưới rê, lưới rùng, màn rút, lưới thung, lưới trái, lưới vây, lưới vó, lưới xanh dương, lưới trữ...

Khác :

Tum -nơi ngồi rình cá

Rạo /nơi tiếp giáp giữa ruộng và kinh rạch, cắm cọc cây mềm tạo hàng nơi thuận lợi để phát hiện đường cá di chuyển, nơi nước dưới 70 cm.

*13.4.2. Câu trên sông:* Câu cá lòng tong, Câu cá chày( cá ngựa) , Câu cá măng rỏ, Câu cá bóng dứa, Câu cá tai tượng, Câu các thát lát, Câu tôm, Câu giăng, Câu luồng, Câu cá bụng con thiên nhiên (về thả nuôi trong lồng bè : cá tra, cá lăng, các sát Xiêm, cá sát bay, cá hú, cá dứa, cá sát ốc, cá vồ đém...), Câu cá chạch, Câu cá bông lau, Câu cá lăng, Câu cá tra bần, Câu cá Mè Vinh, Câu cá sặc bướm...

*13.4.3. Săn bắt và các loại bẫy:* Săn bắt theo mùa vụ : Bắt rùa, rắn, chuột ,chim ...

Bẫy chuột đồng: Dậm cù ( dí cù ) Đào hang, Gài rập, Gài bẫy kẹp tre, Đập chuột, Chát chà chuột (vào mùa nước nổi), Chĩa, Nạng dàn thun, bẫy thùng....

Bẫy chim : bẫy cò ke, bẫy đập, bẫy treo, bẫy mỏ, bẫy luôn, rập, giăng lưới : cúm nùm, chim sẻ, chim cu....

#### **XIV: CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM**

Bản đồ phân bố vật nuôi ở Đồng bằng Sông Cửu Long

##### **14.1. Chăn thả: gà ta, vịt chạy đồng**

##### **14.2. Chăn nuôi trong chuồng, trại**

Các loại gia súc được thuần chủng và chăn nuôi:

Các giống Trâu (trâu núi, trâu rừng, trâu lai, trâu sữa Murrash)

Các giống Bò (bò ta vàng, bò lai Sind, Bò lai Brahman)

Các giống dê (Dê núi, dê bách thảo, dê lai )

Các giống heo (Yorksine, heo cỏ, heo Hòn chông, Heo Bò Xụ, Heo Bò, Heo ba Xuyên, Heo Thuộc nhiều...)

Các giống ngựa (ngựa kéo, ngựa thồ, ngựa đua)

Phụ lục và hình ảnh các giống gia súc, gia cầm

Các loại gia cầm được nuôi:

Các loại gà, chim (gà ta, gà nòi, gà tre, gà ác, gà lôi, gà tàu, gà tam hoàng, gà kiêng...) Chim: chim cút, chim yến ...

Các loại vịt (vịt cỏ, vịt Xiêm, vịt Tàu, vịt cỏ lùn, vịt Khaki Campbell..., vịt Hà lan, le le...)

### **14.3.Kỹ thuật chăn nuôi và chế biến**

Các loại Chuồng trại nuôi gà, heo, dê, bò, trâu...

Kỹ thuật chăm sóc chăn nuôi gia súc, gia cầm

Chế biến

### **14.4.Các hình thức khác**

Len trâu: Chăm sóc đàn trâu mùa nước nổi

Sân chim, vườn chim :

Tôn tạo vườn cây để chim trú ngụ

Bảo tồn các giống chim ở các khu bảo tồn thiên nhiên

## **XV. NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

Các kỹ thuật nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ, nước mặn

**15.1.Nuôi trong ao, đầm, hồ:** cá ba sa, tôm càng, cua, lươn, ếch, ốc, cá kèo...

**15.2.Nuôi bè trên sông, rạch** (cá chim nước ngọt, cá thát lát, cá lóc, cá chêm, cá điêu hồng, cá rô, cá ngát, cá ba sa, cá lăng ...)

**15.3.Nuôi bè trên biển:** Hàu, ngọc trai

**15.4.Nuôi trên bãi bồi, sân bãi:** các loại Sò, ốc, nghêu...

Phụ lục Danh sách và hình ảnh các loại thủy hải sản

**15.5. Nuôi tôm, cá quảng canh** trong ruộng lúa

**15.6. Nuôi tôm công nghiệp:** tôm thẻ chân trắng, tôm sú...

## **XVI : CÁC NGÀNH NGHỀ TRONG NÔNG NGHIỆP**

### **16.1.Các ngành nghề trên bờ**

Nghề nông : Nghề làm ruộng

Nghề cấy

Nghề gặt  
Nghề rẫy  
Nghề cầm trâu/ phòn trâu (len trâu khi mùa nước nổi)  
Nghề chằm lá /đôn lá dứa nước  
Nghề nhổ bàng  
Nghề chằm nón  
Nghề trồng lác  
Nghề trồng cây ăn trái  
Nghề trồng rẫy /trồng hoa màu  
Nghề trồng kiếng  
Nghề trồng bông  
Nghề ghép cây ăn trái  
Nghề hái trái  
Nghề trồng trầu ,cau  
Nghề trèo cau, dứa  
Nghề trèo cây thốt nốt  
Nghề hàng xáo  
Nghề móc đất  
Nghề nuôi heo  
Nghề nuôi trâu,bò  
Nghề nuôi gà, vịt  
Nghề lái trâu,bò  
Nghề lái heo

**16.2.Nghề trên nước**

Nghề lái đò, chèo ( đò ngang)  
Nghề tài công( đò dọc)  
Nghề đi biển

Nghề câu

Nghề đi mong

Nghề lặn biển

Nghề chài lưới

Nghề câu ghe

Nghề nuôi cá đồng

Nghề lái cá

### **16.3.Nghề thủ công nghiệp**

Nghề đóng ghe xuống

Nghề trồng dâu

Nghề nuôi tằm

Nghề dệt vải

Nghề nhuộm vải

Nghề đan tre : làm mê ,bò, lợp, lờ

Nghề bện dây dừa, lác

Nghề đơm bàng

Nghề chăm lá

Nghề ăn ong/ gác kèo ong

Nghề đốt than

Nghề làm đường

Nghề làm nhà

Nghề thợ may

Nghề công xảo (đúc luyện sắt tây, đóng tàu thủy, đúc súng lớn, đúc hạt nổ, chế tạo đạn, làm đồng hồ, làm dây đồng...)

Nghề rèn

Nghề lái gỗ

Nghề đan, dệt lưới

Nghề làm lưới câu

Nghề làm gạch

Nghề chạy xe lôi

Nghề tài xế

Thợ sơn,

Thợ hồ

#### **16.4.Nghề thủ công mỹ nghệ**

Nghề kim hoàn

Nghề thêu

Nghề đan lát

Nghề làm gốm

Nghề đan võng

Nghề cẩn xà cừ

Thợ chạm khắc gỗ

Thợ vẽ trang trí

Nghề sản xuất ông lò, cà ràng

Nghề thương hồ

#### **16.5.Nghề chế biến thực phẩm**

Nghề chế biến trà

Nghề làm bánh tráng, bánh phồng

Nghề làm kẹo

Nghề làm bánh

Nghề làm bột

Nghề làm nước mắm,

Nghề làm khô

Nghề làm mắm,

Nghề làm muối

Nghề làm đường

Nghề ép dầu

Nghề nấu dầu cá

Nghề nấu ăn

Nghề làm bún

Nghề làm đậu hủ

Nghề trút giá

Nghề nấu rượu

Nghề làm bánh mì Tây

Nghề làm tương, chao, gia vị....

Nghề khác :Thầy đồ, thầy giáo, thầy dạy nghề, thầy thuốc, thầy tuồng, thầy đờn, thầy dạy võ, Thầy Chùa, thầy pháp, thầy cúng, thầy bói, thầy bùa...

## **16.6. Các làng nghề ở nông thôn**

16.6.1.Làng nghề đóng ghe, xuồng, tàu...

-Các công đoạn đóng ghe, xuồng và đồ nghề đóng ghe thuyền

Phụ lục danh mục và hình ảnh của ghe thuyền của Đồng Bằng Sông Cửu Long

Hình ảnh và kỹ thuật đóng ghe, tàu gỗ của Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Hình ảnh ghe đưa tang- thuyền bát nhã, đoạn cuối cuộc đời của Đạo Cao đài

16.6.2.Làng nghề sản xuất gạch, ngói, gốm:

Các lò sản xuất gạch ngói, vật liệu xây dựng, gốm mỹ nghệ, gốm gia dụng.

Các dụng cụ, máy móc chế tác gạch ngói, đồ gốm.

Phụ lục các hình ảnh lò gạch, lò nung gốm và kỹ thuật làm đất để sản xuất gốm

Phụ lục hình ảnh các sản phẩm gốm gia dụng, gốm mỹ nghệ

16.6.3.Làng nghề Sản xuất nước mắm

Phụ lục các loại nước mắm và hình ảnh các thùng chượp để làm nước mắm ở Phú Quốc

Hình ảnh và quy trình sản xuất nước mắm cá cơm.

16.6.4.Làng nghề sản xuất, chế biến các loại mắm, khô :

Các dụng cụ chế biến mắm , khô

Phụ lục danh mục và hình ảnh các loại mắm, khô

16.6.5. Làng nghề Nấu rượu:

Các dụng cụ và nồi nấu rượu

Kỹ thuật và cách nấu rượu địa phương.

16.6.6. Làng nghề đóng đồ mộc :

Hình ảnh các loại đồ mộc, đồ gia dụng

Dụng cụ chế tác đồ mộc và kỹ thuật đóng đồ mộc ở Đồng bằng Sông Cửu long

16.6.7. Làng sản xuất ngư cụ bằng tre : lợp, đăng ,đó ,lò, cần câu

Hình ảnh các ngư cụ thủ công được làm bằng tre

Dụng cụ chế tác các ngư cụ bằng tre và cách sử dụng.

16.6.8. Làng nghề sản xuất lưỡi câu ở Đồng bằng Sông Cửu long:

Phụ lục hình ảnh các loại lưỡi câu, kỹ thuật sản xuất các loại lưỡi câu.

16.6.9. Các làng nghề, cơ sở sấy nông sản :

Sấy cau

Sấy trái cây

Sấy cây lương thực, hoa màu

16.6.10. Làng nghề, cơ sở sản xuất bột từ cây lương thực :

Các loại bột gạo

Các loại bột nếp

Các loại bột khoai mì

-ác loại bột ngũ cốc, đậu

Hình ảnh và kỹ thuật chế biến , sản xuất các loại bột.

16.6.11. Làng nghề, cơ sở chế biến bún, mì, hủ tiếu :

Hình ảnh và kỹ thuật chế biến , sản xuất các loại bún ,mì, hủ tiếu ...

16.6.12. Làng nghề, cơ sở chế biến bánh tráng , bánh phồng :

Hình ảnh và kỹ thuật chế biến , sản xuất các loại bánh tráng, bánh phồng

16.6.13. Làng nghề làm các loại bánh, kẹo

Kỹ thuật và hình ảnh sản xuất các loại bánh, kẹo truyền thống

16.6.14. Làng nghề, cơ sở sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ

Kỹ thuật và hình ảnh đan giỏ, dệt chiếu, đươn đệm, ... ở Đồng bằng Sông Cửu long:

16.6.15. Làng trồng hoa, cây kiểng :

Kỹ thuật và hình ảnh trồng hoa , trồng cây kiểng ở Đồng bằng Sông Cửu long.

## **17. Chợ Nổi, chợ mùa ở Đồng bằng Sông Cửu long**

**17.1.Chợ nổi:** Được tổ chức Nơi giáp nước

Chợ nổi Cái Răng - Cần Thơ

Chợ nổi Phong Điền - Cần Thơ

Chợ nổi Cái Bè - Tiền Giang.

Chợ nổi Trà Ôn - Vĩnh Long.

Chợ nổi Ngã Bảy - Hậu Giang.

Chợ nổi Long Xuyên - An Giang.

Chợ nổi Cà Mau

**17.2.Chợ mùa:** Được tổ chức vào mùa nước nổi .

Chợ cỏ - Ô Lâm ( An Giang)

Chợ ma ( Đồng Tháp)

Chợ rắn -An Phú ( An Giang)

Chợ côn trùng - Tịnh biên ( An Giang)

Chợ Bò -Tà Ngào , Tịnh Biên ( An Giang)

Chợ cá đêm ở Gãy Cờ Đen - Trường Xuân( Đồng Tháp)

Chợ cá Tha La - An Giang

Chợ chuột đồng , Phù Dật - An Giang

Chợ rơm ,chợ tro, chợ Lục bình ,Chợ phân bò...

## **XVII. TIỀN TỆ TRONG GIAO THƯƠNG**

Các loại tiền lưu hành ở Đồng bằng sông Cửu long: đồng, kẽm , xu, giấy

Những đồng Tiền Óc Eo - vương quốc Phù Nam

Đồng tiền thời Nhà Nguyễn từ 1698

Đồng bạc Đông dương từ 1858

Đồng tiền VNCH- ngoại tệ từ 1954-1975

Đồng tiền UB kháng chiến hành chính Nam bộ từ 1945-1975

Giấy bạc địa phương

Đồng tiền sau hòa bình và hiện nay- ngoại tệ 1975- nay

## **B. VĂN HÓA TINH THẦN**

### **XVIII. ĐỜI SỐNG TINH THẦN**

Vùng đất Nam bộ nói chung, đồng bằng sông Cửu long nói riêng là vùng đất mới , khai sinh chính thức là 1698 đến nay hơn 300 năm, nên việc nó thừa hưởng những thành tựu văn hóa dân tộc là một điều tất yếu, biết bao nhân duyên và hệ lụy diễn ra ở tọa độ địa lý- lịch sử này nên tự nó đã có những biến đổi lớn lao để tồn tại và phát triển. Bên cạnh những biến hóa tự thân theo thời gian, văn hóa Việt ở Tây Nam bộ đã tiếp thu những dòng văn hóa của cư dân cộng cư tại chỗ: Khmer, Hoa, Chăm và các dân tộc ít người khác.

Thời kỳ đất nước ta bị chia cắt Đảng Trong , Đảng Ngoài do đó đa phần lưu dân Thuận -Quảng đến Đảng trong lập nghiệp chính là những hạt giống đầu tiên cây trồng trên vùng đất mới, chính là cơ sở văn hóa của Tây Nam Bộ .Mãi đến đầu thế kỷ XIX, những tập tục văn hóa tín ngưỡng được Trịnh Hoài Đức ghi lại .

Lưu dân Thuận - Quảng vào Đảng Trong đa phần là người nghèo, ít người học rộng, đi tìm cơ hội làm ăn trên vùng đất mới, do vậy văn hóa của họ chủ yếu là vốn văn hóa dân gian mà họ đã thu đắc từ quê hương bản quán. Đó là điệu hát , câu hò, những điệu nói vè, nói thơ, diễn xướng tuồng tích...cùng với công việc khẩn hoang, tạo dựng thôn ấp,làng xã là quá trình văn hóa - tín ngưỡng cộng đồng : Đình- Chùa- Miếu -Võ.Đó chính là nhu cầu văn hóa cần thiết của một thôn làng- tập tục văn hóa vốn đã định hình trong lịch sử từ Thuận Quảng.

#### **18.1. Tín ngưỡng , tôn giáo của cư dân vùng Đồng bằng Sông Cửu Long**

18.1.1.Tín ngưỡng dân gian trong sản xuất Nông nghiệp và đời sống Nông thôn:

Tín ngưỡng Dân gian:Thờ Thành Hoàng bốn cảnh, Bà Chúa Xứ, Thiên Y Ana, Thần Nông, Ngũ Cốc Tôn thần, Sơn Thần ,Thần Hồ / Ông Cả Cọp, Ngũ Hành Nương Nương, ( Thổ Đức Thánh Phi, Hỏa Đức Thánh Phi , Kim Đức Thánh Phi, Thủy Đức Thánh Phi, Mộc Đức Thánh Phi ) Cửu Thiên Huyền nữ, Bạch Mã Thái giám, Đại càn Nguyên soái , Thờ Ngụ Man Nương, Nam Hải Tướng Quân /Thờ Cá Ông,Thờ Thủy Long Thánh Phi , Hà Bá thủy quan / Lang Lại Tướng Quân / Đông nam sát hải Đại tướng quân / Thần Rái cá , Bà- Câu ( bà Chúa Xứ và 2 con :Câu Trày, Câu Quý) , Lôi Công (Thần Sấm), Diên Di ( Di Chớp) Phong Bá (Thần gió), Vũ Sư (Thần Mưa) Thủy Long thần nữ/ Thần Giếng / Thần Sông Rạch/ Thần Cù Lao/Thần Hải Đảo.

Ông địa , Ông Tà, ( Ông địa giữ nhà, Ông Tà giữ ruộng)

Một số tôn giáo địa phương: Bửu Sơn kỳ hương, Tứ Ân hiếu nghĩa, Hòa Hảo, Cao Đài cùng 1 số ông Đạo liên quan.

Phụ lục danh sách và hình ảnh các lễ hội thờ cúng dân gian vùng Đồng bằng Sông Cửu Long.

18.1.2.Lễ hội dân gian truyền thống trong Nông nghiệp:

Các Lễ hội Dân tộc Kinh :

Lễ Nguyên Đán , Lễ Kỳ Yên ( phong điều vũ thuận), Tế thần nông Xã tắc ,Lễ Tam Nguyên, Lễ Hạ Điền, Lễ Thượng Điền, Lễ đưa thần , Lễ Rước thần, Lễ Nghinh Ông ,

Lễ Tổ Nghè, Lễ khai hạ / khai sơn mừng 7 tháng giêng.

Lễ Nguyên Đán Khmer:

Lễ cầu an cho Sóc - Lễ cúng Neak Tà ( Mcha sóc)

Lễ Chôl Chnam Thmây: đón mừng năm mới cầu mưa thuận gió hòa ( Lễ xuống đồng)

Lễ Óc Om Bok: Lễ cúng trăng, Lễ cốm dẹp ( Lễ Thượng điền) .

Các Lễ hội Dân tộc Hoa :

Lễ Nguyên Đán, Đoan ngo ( diệt sâu bọ) Trung thu ( Lễ cúng trăng tròn )

Lễ hội Dân tộc Chăm Islam:

Lễ cầu an - Safa cho xóm làng .

18.1.3.Các thần Bản nghiệp / tổ nghề nghiệp

Thần Đất: Thổ Thần,Thổ địa, Thổ chủ , Neak Tà

Thần Nông: dạy dân làm ruộng , trồng lúa , trồng cây trái làm nhà ở , được cúng trong Đình(Thần Nông Xã tắc)

Bà Chúa xứ: Thần đất quản lý cả vùng rộng lớn.

Tổ nghề xây dựng, công xảo : Bà Cửu Thiên Huyền nữ, Lỗ Ban

Thanh sư : là tổ nghề gánh hát, nhạc lễ

Tổ nghề y dược: Hải thượng Lãn Ông , Lữ Tổ ,Cảnh Mục Ngưu Thọ Vương chi thần"

Thần tổ nghề người Khmer : Thiện công( wis scam mô bát)

Thầy dạy trồng dâu nuôi tằm :Thánh nữ Tây Lăng

Tổ nghề kim hoàn: Nguyễn Công

Tổ nghề sông nước/ ngư phủ=Bà - Cậu / Thủy Long

#### 18.1.4. Lễ Giỗ Hậu và các Anh hùng lịch sử:

Thờ tự các Anh hùng lịch sử : Lễ giỗ các anh hùng lịch sử vùng Đồng bằng Sông Cửu Long.

Giỗ hậu : thờ và làm lễ giỗ cho người hiến đất xây đình.

Phụ lục danh sách và hình ảnh các lễ Giỗ và Lễ cúng các anh hùng lịch sử của các địa phương vùng Đồng bằng Sông Cửu Long.

### 18.2. Tôn giáo

#### 18.2.1. Tôn giáo của Người Việt:

Phật giáo, Phật giáo Hòa Hảo, Bửu sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu nghĩa , Đại Đạo Tam Kỳ phổ độ/Cao Đài, Minh Sư Phật đường ...

Thiên Chúa Giáo/ Công giáo, Tin lành

18.2.2.Chùa : Thờ Phật ( Được lập để thỏa mãn nhu cầu tâm linh cúng vì mục đích cầu an, cầu siêu, cầu tài lộc hơn là để tu học để cải đổi tâm tánh, giác ngộ bản thân) . Cũng có làng, chùa được các Cao tăng đứng ra thành lập để hoằng hóa Phật pháp. Chùa trước Thờ Phật ,sau Thờ Thần, Quan Công và các nữ thần, Cô cậu.

-Phụ lục và hình ảnh các Chùa vùng Đồng Bằng Sông Cửu long và các Nghi Lễ

18.2.3.Đình :Thờ Thành Hoàng và các vị Thánh , Thần ( có Sắc phong và Dân phong - "sinh vi tướng tử vi thần" ) và công thần, Thờ các Tiên sư, Tổ nghề của nghề nghiệp , Đình làng: Là một nhân tố trung gian thiết chế văn hóa- tín ngưỡng làng có tính dân gian ( đình - chùa -miếu- võ) với tiết chế văn hóa tín ngưỡng chính thống của Nhà nước cấp tỉnh/ trấn ( Đàn-Miếu-Đền -Từ).

Phụ lục và hình ảnh các Đình Làng vùng Đồng Bằng Sông Cửu long và Lễ Hội

18.2.4: Đàn- Miếu/Miếu :Thờ các Thần Linh dân gian ,Thổ Địa ,Ông Tà, Miếu Nam Hải long vương,Miếu Công thần, Miếu Hà bá, miếu Hỏa Thần, miếu Phong bá, Miếu Sơn Thần...

18.2.5.Võ /dỡ/ nhà vuông : có chức năng như nhà việc của ấp, xóm, là điểm canh của đình tráng làm công việc dân phòng , và là nơi thờ Tiên sư/ Tổ nghề

Phụ lục và hình ảnh các Miếu ,võ vùng Đồng Bằng Sông Cửu long.

18.2.6.Nhà Thờ: Nhà Thờ Công giáo, nhà thờ Họ. Hình ảnh các lễ hội của đạo Công Giáo:

Phụ lục: Danh sách và hình ảnh các nhà thờ vùng Đồng Bằng Sông Cửu long

18.2.7.Thánh Thất: đạo Cao Đài

Hình ảnh các Lễ lớn của Đạo Cao Đài vùng Đồng Bằng Sông Cửu long

### 18.3.Trò chơi dân gian, giải trí: cờ, kỳ, thi, họa

\*\*\*Dân tộc Kinh:

18.3.1.Cầm /Các loại nhạc cụ: Trống, chiêng, mõ , sanh tiền, trống cơm, đàn cò, sanh cái; bộ hơi, bộ bát âm (thạch, thổ, kim, mộc, tỉ/tơ, trúc, bèo ,cách) ghi ta phím lôm ,...đàn tranh, đàn kìm,đàn gáo,song lang ...

18.3.2.Kỳ: Cờ gánh , cờ chém , cờ chân chó

Trò chơi dân gian : Kéo co, nhảy lò cò, nhảy dây, nhảy bao bố,

Điệu múa : Múa Lân, múa rồng , múa bóng rỗi , múa mâm vàng ,múa dâng bông ...trong nghi lễ cúng Đình hay Tết.

18.3.3. :Giải trí / thú vui tao nhã:

Đá cá lia thia

Đá gà

Gác cu

Chơi cây kiểng , bonsai : tứ diện sơn thủy ,kiểng chiết chi nhị diện, non bộ tiểu cảnh...

Chung nghi (nghệ thuật trung trái cây):Tứ linh-Song phụng-Song long-Đám cưới -Đám tang

#### **18.4. Văn học nghệ thuật**

Văn học Miền Tây Nam bộ hình thành 2 dòng văn học :

18.4.1. Văn học dân gian : có nhiều thể loại: truyện kể,ca dao tục ngữ, hò, vè, hát , thơ, trình diễn

a. Ca dao vùng Đồng Bằng Sông Cửu long

b.Dân ca: Hò , hát, lý, vè, nói thơ, nói tuồng, nói truyện thơ.

Các loại hò : Hò trên cạn và hò dưới nước.

Hò trên cạn: hò cấy lúa, hò giã gạo, hò xay lúa, hò cuộc

Hò dưới nước: Hò chèo ghe, ( hò chèo ghe theo từng địa phương) hò đưa linh trong nghi lễ...

Hát: hát huê tình, hát sắc bùa ,hát ru, hát đối đáp, hát bóng rỗi , hát đưa linh...

Các điệu Lý

Danh sách 300 điệu lý Nam bộ, tên các điệu lý, xuất xứ và diễn xướng (*Lư nhất Vũ và Lê Giang sưu tầm*)

Hình ảnh và âm thanh các điệu lý đồng bằng sông cửu long ( phim và âm thanh kỹ thuật số)

c.Truyện kể dân gian Nam bộ:

Sự tích thần kỳ và hoang đường

Truyện cổ tích

Truyền thuyết địa danh và thôn xã

Truyền thuyết và giai thoại về thú dữ

Truyền thuyết lịch sử Thời Chúa Nguyễn, Tây sơn và Nhà Nguyễn

Truyền thuyết về cuộc khởi nghĩa chống Pháp

Truyền thuyết về Chư Tăng và các Ông Đạo

Giai thoại văn nghệ

Cổ sự thời thuộc địa

Truyện ngụ ngôn

Truyện cười

Truyện Trạng

d. Vè : vè lao động, vè công việc, vè phê phán thói hư tật xấu

e. Đồng dao và câu đố về nông nghiệp và các trò chơi trẻ con nông thôn :

Phụ lục các bài đồng dao và Câu đố về nông cụ, ngư cụ, các loại trái cây, các loại cá ... câu đố

f. Tục ngữ về sản xuất

Phụ lục các tục ngữ về sản xuất nông nghiệp, thiên nhiên và cách ứng xử của cộng đồng truyền thống

g. Truyện thơ và thơ vè, thơ dân gian phổ biến trong làng xã đồng bằng sông Cửu long:

Truyện thơ Hán , Thơ Nôm, thơ quốc ngữ:

Thơ nôm của Nguyễn Đình Chiểu: Ngư tiều y thuật vấn đáp, Lục Vân Tiên.

Thơ hán, nôm Thủ Khoa Huân: Mang gông, Cảm hoài, Tự thuật, Cây bắp, Văn tế chó...

Thơ Hán, nôm Trịnh Hoài Đức: Điền gia Thu Vũ, Đi sứ cảm tác (nhiều bài), Qua đèo Hải Vân, Tạ mẹ đi sứ...

Thơ nôm Nguyễn Hữu Hào : Song tinh bất dạ

Phụ lục hình ảnh và đọc thơ ( phim và âm thanh kỹ thuật số)

h. Văn học : Phan Thanh Giản, Nguyễn Đình Chiểu, Võ Trường Toản, Phan văn Trị , Nguyễn Tri Phương, Trương Gia Mô, Gia đình Tam gia :Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhơn Tịnh, Lê Quang Định, Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Thông, Hồ Huân Nghiệp, Huỳnh Mẫn Đạt

Văn học chữ Nôm

Văn học chữ Hán

Văn học chữ Nôm

Văn học chữ quốc ngữ : Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Paulus Của, Phan Khôi, Hồ Biểu Chánh, Á Nam Trần Tuấn Khải, Nguyễn thị Mạnh Mạnh, Nguyễn An Ninh, Văn Đàn, Huỳnh văn Nghệ, Lưu Trọng Lư...

i. Thơ sấm giảng: của Phật giáo Hòa Hảo

k. Diễn xướng dân gian Nam bộ và Tuồng tích sân khấu:

*Diễn xướng dân gian:*

Hát bóng rỗi: là một loại hình nghệ thuật múa hát nghi lễ, thường được tổ chức vào các dịp lễ hội tại các đền miếu Nam Bộ, trong đó Chặp Địa nàng là nổi bật nhất.

Hình ảnh, âm thanh về Chặp Địa nàng (phim và âm thanh kỹ thuật số)

Hát sắc bùa : mang ý nghĩa chúc tụng vào Năm mới với lễ nghi nông nghiệp gắn cùng yếu tố tâm linh, cầu cho năm mới an lành, mùa màng cây cối tốt tươi, “người yên, vật thịnh“, trăm nghề tấn phát, bình an gia đạo .

Phụ lục Hình ảnh ,âm thanh về hát sắc bùa ( phim và âm thanh kỹ thuật số)

Đờn ca tài tử : được hình thành và phát triển từ cuối thế kỷ XIX, được tạo ra từ nhạc lễ, nhã nhạc cung đình Huế và kết hợp với các làn điệu dân ca ngọt ngào, sâu lắng của các địa phương, vùng, miền khác nhau của Miền tây Nam bộ.

Phụ lục Hình ảnh ,âm thanh về đờn ca tài tử ( phim và âm thanh kỹ thuật số)

*Tuồng tích sân khấu:*

Hát bội : cúng Kỳ Yên, Xây Châu( Đánh trống) ,Đại Bội ( Phước ,Lộc Thọ) , hát bội .Các vở tuồng nội dung :Trung thắng nịnh , Phe chính thắng phe tà. Nội dung cơ bản nói về việc tranh bá đồ vương của Nhà Nguyễn từ TK 17-Tk 18 ,vở tuồng được chọn là Tuồng San Hậu, Phụng Nghi Đình, Phàn Lê Huê,Tiết Nhơn Quý....

Phục Trang hát bội với các mặt nạ vẽ mặt : Trung Thần, Gian Thần, Nịnh Thần.

Phụ lục các trang phục, vở diễn hát bội với hình ảnh ,âm thanh ( phim và âm thanh kỹ thuật số)

Ca ra bộ : đờn, ca trên sân khấu, với các bài ca hay tuồng tích ngắn.

Cải lương : là sự kết hợp giữa Hát bội và các câu chuyện kiểu kịch nghệ Tây Phương , hương xa , có sân khấu nhiều màu sắc, có phong cảnh, phong màn ,trang phục kết hợp Ca vọng cổ và dàn nhạc (dây Vọng cổ Bạc Liêu, làm tiền đề cho các dây Rạch Giá, dây Sài Gòn, dây Lai, dây Ngân Giang, dây Tứ Nguyệt... để bản Vọng cổ càng ngày càng phát triển)

Phụ lục các vở cải lương với hình ảnh ,âm thanh ( phim và âm thanh kỹ thuật số)

Các vở sơ khai: Kim Vân Kiều, Lục Vân Tiên, Trăm Trinh Ân, Vợ Ngũ Vân Thiệu bị tên, Cao Lũng vít thiết xa, Ngưu Cao tảo mộ, Thoại Khanh – Châu Tuấn,Đời cô Lựu, Tô Ánh Nguyệt...kịch bản từ truyện cổ Ấn Độ, La Mã, Nhật Bản, Mông Cổ,Trung Hoa ... (Nàng Xê-đa, Hoa Sơn thần nữ, )

Ông Tống Hữu Định (tức Phó Mười Hai), André Thận, Kinh-lich Quòn (hay Hườn), Phạm Đăng Đàng... là những người có công gây dựng và đưa lên sân khấu cải lương thuở ban đầu.

Phụ lục Danh sách, hình ảnh các nghệ sĩ và đoàn hát cải lương từng thời kỳ của Nam bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long.

18.4.2. Văn học nghệ thuật :

Người Việt đã có thành lập các thi đàn, thi xã nổi tiếng có nhiều nhà văn , nhà thơ tham gia trong Tao đàn Chiêu Anh Các, Bạch Mai thi xã, Đông hồ- Mộng tuyết

Phụ lục danh sách các nhà văn, nhà thơ, và tác phẩm nổi tiếng của đồng bằng Sông Cửu Long.

Phụ lục tên các Tập thơ và Tác Giả + chân dung.

18.4.3.Mỹ thuật:

a.Nghệ thuật tạo hình:

a.1.Tượng và tranh dân gian:

Tượng thờ : Thần thánh, các nữ thần và các danh nhân

Tượng Phật : Chư Phật, Bồ Tát , La hán và các chư thiên Phật giáo ... được tạo tác bằng nhiều chất liệu khác nhau : đất sét, vữa hồ, đồng, gỗ, đá, gốm sứ, kim loại...

Tượng Mực đồng: do các mực đồng nặn bằng đất sét.

Phụ lục : Khôi phục Chùa Mực đồng : phục hồi tượng mực đồng , lập bản vẽ cùng thuyết minh ý nghĩa về tượng mực đồng và cách bài trí

Tương gỗ dân gian: tượng âm binh, âm tướng của Thầy bùa, thầy pháp

Tranh vẽ, tranh mộc bản trên giấy

Tranh dân gian : tranh tường, tranh kiếng, tranh gói...

Phù điêu: đắp bằng xi măng, tranh ghép bằng mảnh gốm, sứ về cảnh nông thôn, thiên nhiên.

a.2. Điêu khắc gỗ: trang trí các cấu kiện kiến trúc bằng gỗ.

Điêu khắc gỗ trong gia dụng: bàn ghế, giường tủ, tủ thờ, khám thờ, khánh thờ...

Điêu khắc gỗ trong trang trí tượng thờ, tranh thờ, liễn, câu đối, bao lam, độc bình, tủ thờ của các thợ Miền Tây (Chợ mới, An Giang, Thợ Cần đước, Thợ Cần Giuộc Long An).

a.3. Tranh vẽ hiện đại về thiên nhiên và con người vùng đồng bằng sông Cửu Long của các họa sĩ như : Lê Trung , Vi Vi...

\*\*\* Dân tộc Khmer :

18.4.4. Tín ngưỡng và Tôn giáo của Người Khmer:

*Tín Ngưỡng dân gian* : Thờ Arăk: Tổ mẫu của Người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long

Thờ Neak Tà Wiêl/ Ông Tà : Thần bảo hộ cộng đồng của người Khmer . Ông địa giữ nhà , ông Tà giữ ruộng.

Tôn Giáo:

Thờ Phật : Phật giáo của Người Khmer Tây Nam bộ là một hệ phái của Phật giáo Nam Tông - được truyền bá từ Ấn độ đến từ Đông Nam Á, Theravada/ Tiểu thừa.

Chùa Khmer : không chỉ là nơi thờ Phật, mà là một trung tâm văn hóa của cộng đồng, nơi dạy chữ Khmer, dạy nghề , tổ chức các lễ hội và nơi giữ tro cốt của tổ tiên trong chùa. Đặc điểm quan trọng là ngôi chùa cùng các bộ phận kiến trúc của nó là một đại tập thành kiến trúc và mỹ thuật của cộng đồng người Khmer.

Công giáo : Ở cộng đồng nhỏ Khmer ở Sóc Trăng , Kiên Giang.

Lễ hội : các lễ hội truyền thống của người Khmer liên quan đến nông nghiệp: Lễ Chool Chnam Thmây /năm mới /cầu mưa thuận gió hòa (lễ xuống đồng), Lễ Côm dẹp /Lễ Ok Ombok ( lễ Thượng điền) tổ chức vào mùa gặt truyền thống; lễ Cúng trăng hay là Lễ Tạ nước- Lôi Preah Tip .Lễ cúng Neak Tà / Cầu mưa, cầu mùa màng thuận lợi, Lễ cúng biển / Phước Biển, Lễ cầu an cho sóc / Bun Komsan Srók.

Điều đáng chú ý là hầu hết các lễ hội bao gồm Lễ hội dân tộc, truyền thống và Lễ hội Phật giáo đều là dịp thể hiện các thể loại nghệ thuật biểu diễn truyền thống.

Ca nhạc, múa, trò diễn sân khấu vô cùng đặc sắc ở đây: đặc biệt lưu ý là Lễ hội đua ghe ngo hàng năm vào Lễ Ok Om Bok (Lễ đưa nước)

Phụ lục hình ảnh, âm thanh của các Lễ hội của người Khmer (phim và âm thanh kỹ thuật số)

18.4.5. Nghệ thuật : Cầm, kỳ, thi, họa

a. Cầm / Nhạc cụ : phong phú:

-Dàn nhạc dây- Voong Phlêng Khxe

- Dàn nhạc gõ (dàn nhạc ngũ âm) Voong Phlêng Pink Péat và các dàn nhạc sân khấu:

- Dù Kê / Voong Phlêng Yukê
- Rôbăm / Voong Phlêng Rôbăm
- và Dì Kê (chỉ có ở An Giang).

Phụ lục : Hình ảnh và âm thanh các dàn nhạc Khmer ( phim và âm thanh kỹ thuật số)

\*b. Các trò chơi dân gian như:

Đá gà

Đá cầu/ Tok sây

Ném Chhung

Đánh trống / Kol

Thả diều/ Pong Hơ Khlen

Phụ lục hình ảnh thả diều (phim và thuyết minh )

Đá cầu / Tok Sây

Phụ lục hình ảnh , phim và thuyết minh các trò chơi dân gian.

\* c.Nghệ thuật trình diễn:

c.1. Múa Ram vông, Ram saravan, Ram cơ pác, Ram Lamleo v.vv...

Múa Trống Xà Dăm, Múa ngựa, múa Con công.

c.2. Hát đối đáp: A day

Hát, Hò: sắc swa, hát ru con, hát chèo ghe

c.3.Sân khấu:

c.3.1. Vũ kịch mặt nạ Rô păm ( Múa chằng)

c.3.2. Hát múa Dì kê (múa truyện / Romruowng)

c.3.3. Ca kịch Dù Kê (Kịch Hậu Giang/ Lò khon basac)

\*d. Văn học dân gian:

Văn học Khmer có văn vắn và văn xuôi. Bao gồm các thể loại: thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười, tục ngữ, dân ca.

d.1.Văn học dân gian truyền miệng và văn học viết được ghi (chép trên Lá buông, giống như Bối kinh của Nhà Phật) trên những giấy xếp tập (Krăng) và thời hiện đại: mới được in thành sách (sòm pâu).

Văn học của người Khmer chịu ảnh hưởng sâu sắc từ những trào lưu văn hóa – tôn giáo Ấn Độ, trước hết là Balamôn giáo và Phật giáo. Từ truyện thần thoại, truyền thuyết đến cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười phát triển trong quá trình lâu dài tạo nên bản sắc thẩm mỹ riêng, chứa đựng một nội dung lịch sử - xã hội sâu sắc của dân tộc Khmer.

d.2. Truyện Thần thoại: Khmer cũng phản ánh đời sống con người trong buổi bình minh của lịch sử hình thành vũ trụ và giải thích các hiện tượng tự nhiên làm cho thần thoại Khmer trở nên trù tượng, có tính chất tự biện hơn là được sáng tạo bởi nếp tư duy thần thoại hồn nhiên thời cổ như: Nguồn gốc vũ trụ và muôn loài, sự tích mưa, gió, mặt trời và mặt trăng, Nàng Mékhalag

d.3. Truyện cổ tích: thường mang màu sắc Phật giáo, nội dung thường là cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác. Thân phận con người trong mọi hoàn cảnh được khắc họa rất sinh động. như vợ chồng, nhân vật xấu xí, nhân vật mồ côi, hiếu thảo... Đặc biệt quan trọng là các truyền thuyết địa phương.

Truyện thuyết: suy nguyên về đặc điểm tự nhiên, các địa danh và hiện tượng lịch sử xã hội của cộng đồng.

Văn vắn: Nội dung văn vắn Khmer rất phong phú, phản ánh toàn diện các mặt sinh hoạt và tư duy của nhân dân lao động, bao gồm: những kinh nghiệm trong sản xuất, trong mối quan hệ gia đình, lời khuyên trong cách cư xử, những câu nói về đạo lí, cách sống ở đời, phê phán những bất công trong xã hội, những thói hư tật xấu của con người.

e.Họa :

e.1. Break Pót ( tranh vẽ trên vải/ tranh cuộn vẽ về sự tích Đức Phật lịch sử và các tiền kiếp của Ngài.

e.2. Tranh vẽ trên giấy xếp ( Krang)

e.3. Bích Họa / Tranh tường

e.4. Tranh vẽ trên kiếng/ kính :

\*\*\*Dân tộc Hoa:

18.4.6. Tín ngưỡng và Tôn giáo của người Hoa:

\* Tín ngưỡng dân gian: Ngọc Hoàng Thượng đế, Bồn đầu công, Tổ mẫu, Quan Thánh Đế quân, Thiên Hậu Thánh mẫu, Nà Chúa Thai sanh ( Kim Huê Thánh mẫu).

Thờ các tổ nghề: Lỗ Ban (tổ nghề mộc).

Tín ngưỡng các vị thần trong gia đình:

Môn thần : Thần giữ cửa

Thần Đất: Thổ địa bản gia

Vị thần trông coi bếp núc =Táo quân

Thần tài, Thổ địa

Thần độ mạng: Nam =Quan Công, Nữ = Phật Quan âm, Cửu Thiên Huyền nữ, Thiên Hậu Thánh Mẫu. Trẻ em =Tử vi Đại đế

Mẹ Thai sanh= che chở cho các Bà mẹ và trẻ sơ sinh, Thần độ mạng .

Tôn giáo của Người Hoa :Phật giáo, Đạo giáo, Minh sư Phật đường, công giáo, tin lành, Nho Giáo.

\*Lễ Hội : Xuân Tiết / Tết nguyên đán , Lễ Nguyên Tiêu, Thanh Minh, Đoan ngo ,Vu Lan , Tết Trung thu.

18.4.7. Nghệ thuật : Cầm, Kỳ, Thi, Họa.

Cầm / nhạc cụ truyền thống: đàn thập lục,tấu cầm, tỳ bà, hồ cầm, nguyệt cầm, sáo , tiêu , các loại trống, phèng la/ chập chã.

Ban nhạc :Hò Quảng, Triều Kịch /Tiều kịch (ca kịch Phúc Kiến).

Trang phục Hò Quảng, Triều Châu của người Hoa.

Phụ lục Hình ảnh ,âm thanh của vở diễn Hò quảng (phim và âm thanh kỹ thuật số)

Các loại nhạc cụ trong trình diễn : đội tù lò cầu và đội hí.

Trình diễn : Lân, Sư, Rồng, múa Lót, múa Hâu

Kỳ : Cờ tướng

Họa : thư pháp và hội họa

Thư pháp: Hành, Thảo, Triện, Lệ để trang trí Chùa, nhà cửa ,cho chữ, viết liễn, đối , hoành phi và Thơ phú..

Hội họa: Tranh thủy mặc và các thể loại mỹ thuật truyền thống của nhiều họa phái khác nhau.

\*\*\* Dân tộc Chăm Islam

18.4.8.Tín ngưỡng dân gian

Tôn giáo : Đạo Hồi Islam

\*Lễ hội : Tổ chức hàng năm 3 Lễ hội lớn

Lễ Ha Ji : vào ngày 10 đến 12 Hồi lịch ( 03/7 dương lịch)

Lễ Ramadan ( Lễ Chay) vào tháng 9 , Hồi Lịch ( 27/4 Dương lịch).

Lễ sinh nhật Môhamed (người sáng lập Đạo Hồi).

Thánh đường Mubarak ở Châu Giang, xã Châu Phong, Thị xã Tâm Châu .Tỉnh An Giang.

Hành hương đến thánh địa Mecca 1 lần trong đời.

Các sinh hoạt cộng đồng chỉ trong cộng đồng người Chăm Islam.

18.4.9.Nghệ thuật

Nhạc cụ/ cầm: Chơi trống Ráp Panà ( 2 trống đục và 10 trống cái).

Văn học dân gian: ( Ảnh hưởng văn hóa Indonesia, Malaysia).

Truyện kể: Luôn có thần linh giải quyết các vấn đề trong cuộc sống .Đề cao tình nghĩa vợ chồng. Các câu chuyện : Đôrya, Cô gái nét na, A Mách, Sifoah.

Truyện Thần thoại về Mohamad.

Truyện ngụ ngôn, truyện cười.

Hát ru, hát giao duyên , A đom, A Tầm Tànà.

Ca dao: Pa- nược Pa -dát.

Hát cổ : Kêu gọi mọi người đến Thánh đường

Chỉ hát 1 số bài hát:

Hai bài hát về đám cưới / chúc phúc

Một bài hát ru con

Một bài hát mừng nhà mới / Salawat.

## **XIX: TRƯNG BÀY KHO MỞ**

**19.1.Mục đích, chức năng:** Tạo cho du khách có sự quan tâm về hiện vật sẽ được trưng bày theo các đề tài của bảo tàng (thay vì để trong kho kín thì sẽ được trưng bày các hiện vật trong kho mở với mật độ cao).

Phụ lục các hiện vật và hình ảnh sẽ được trưng bày trong kho mở.

**19.2.Dự kiến trưng bày:** các hiện vật nhỏ, quý, các bộ sưu tập...được trưng bày mật độ cao theo từng nhóm vật liệu.

**19.3.Yêu cầu về phương tiện, thiết bị:** Các tủ kệ có bản lề, ngăn, kệ chịu lực, được chiếu sáng nghệ thuật và các yêu cầu thiết bị an toàn đi kèm.

## **KHU VỰC 4: TRUNG BÀY CÓ THỜI HẠN**

### **XX. TRUNG BÀY CÓ THỜI HẠN**

**20.1. Mục đích, chức năng:** Trưng bày trong thời gian ngắn (1 tuần, 1 tháng, 3 tháng tùy theo các chủ đề) như các ngày Lễ Trọng đại của Quốc Gia, của Tỉnh Vĩnh Long, các sự kiện văn hóa, các Lễ kỷ niệm, các sự kiện quảng bá hình ảnh, thương hiệu.

**20.2. Nội dung trưng bày:** phục vụ các sự kiện quan trọng của quốc gia như: quốc khánh, ngày thống nhất đất nước, quốc tế phụ nữ, lao động, thiếu nhi, lễ Tết...trong thời gian ngắn theo từng chủ đề, sinh nhật các vĩ nhân.

Tổ chức các sự kiện văn hóa của Tỉnh: thành lập Tỉnh, các hội thảo nông nghiệp, cây lúa ở Vĩnh Long, các sự kiện giao lưu văn hóa, lễ hội của địa phương và các dân tộc bản địa .

**20.3. Yêu cầu về phương tiện, thiết bị:** Hiện đại, gọn, nhẹ để dễ dàng trưng bày, di chuyển.

## **KHU VỰC 5: KHU VỰC NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

### **XXI. NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN**

**21.1. Mục đích, chức năng của nghiên cứu, phát triển nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu long**

21.1.1. Tổ chức các hoạt động quảng bá các thành tựu nghiên cứu về môi trường, sinh thái và những tiến bộ về chăn nuôi và trồng trọt.

21.1.2. Nghiên cứu Bảo quản và chế biến nông sản ở đồng bằng Sông Cửu long.

21.1.3. Quá trình nghiên cứu, hình thành, xây dựng và phát triển Bảo tàng Nông nghiệp vùng đồng bằng Sông Cửu Long.

**21.2. Nội dung nghiên cứu Sông Mê Kông**

21.2.1. Sông Mê Kông và dòng chảy, bảo tồn các khu vực để cho cá đẻ.

21.2.2. Bảo tồn các khu ngập nước tự nhiên, giải pháp dự trữ nước ngọt.

21.2.3. Trồng cây và nghiên cứu sự hồi sinh của các dòng chảy trong những dòng sông, kinh rạch đồng bằng Sông Cửu Long.

21.2.4. Bảo tồn nước ngầm ở Đồng bằng sông Cửu Long.

21.2.5. Nghiên cứu bảo tồn, lai tạo các giống cây trồng, vật nuôi của vùng đồng bằng Sông Cửu Long

21.2.6. Nghiên cứu cuộc sống của nông dân qua các thời kỳ.

21.2.7. Nâng cao chất lượng cuộc sống nông thôn.

21.2.8. Phát minh, cải tiến của nông dân làm thay đổi sản xuất nông nghiệp qua các thời kỳ

21.2.9. Kinh tế nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo biến đổi khí hậu.

21.2.10. Thế hệ nông dân tương lai

21.2.10. Nông nghiệp bền vững và nuôi trồng thuận tự nhiên

21.2.11. Áp dụng khoa học vào xử lý phụ phẩm nông nghiệp và rác thải sau thu hoạch.

### **21.3. Yêu cầu về phương tiện, thiết bị của khu vực nghiên cứu phát triển**

21.3.1. Hội trường, tổ chức hội thảo khoa học thường niên về nông nghiệp

21.3.2. Các phòng nghiên cứu, thư viện số

21.3.3. Cơ chế mời giao lưu, hội thảo khoa học định kỳ cho các nhà khoa học, các nhà tư vấn từ khắp nơi trên thế giới đến làm việc bảo tàng nông nghiệp vùng đồng bằng Sông Cửu long

## **KHU VỰC 6: TRUNG BÀY NGOÀI TRỜI**

### **XXII. TRUNG BÀY NGOÀI TRỜI- KHU VỰC “BẢO TÀNG SỐNG “ TRUNG BÀY NGOÀI TRỜI**

"BẢO TÀNG SỐNG" mục đích là :

Tạo dựng nên các sưu tập về cây và con đặc trưng của vùng đồng bằng Sông Cửu long. Chúng bao gồm: vườn trái cây, vườn hoa màu với các loại thực vật trên cạn và dưới nước đặc trưng của các vùng sinh thái. Đồng thời là những sưu tập về động vật trên cạn, dưới nước và lưỡng cư đã từng có mặt và sinh sống ở đồng bằng Sông Cửu long. Cụ thể :

Tổ chức quy hoạch một Aquarium / bể nuôi động, thực vật kiểu vườn ao hồ. Tổ chức trải nghiệm: câu cá giải trí, đánh lưới, cắm câu cho du khách....

Mục đích, chức năng: "Bảo tàng sống" là khu vực “ trưng bày hiện vật động “ sẽ kết hợp của hoạt động “tĩnh” của khu trưng bày.

"Tĩnh ": là hoạt động trưng bày bảo tàng truyền thống: triển lãm, trưng bày hiện vật, hội thảo, chiếu phim, thư viện, quầy lưu niệm, trưng bày có thời hạn, không gian làm việc của Bảo tàng.

Khu vực này là không gian của "bảo tàng sống" với các không gian hoạt động liên tục và sinh hoạt bên ngoài khu trưng bày được liên kết đến cảnh quan xung quanh: cánh đồng lúa, hoa màu, vườn trái cây và hệ thống kinh rạch, sông, bến nước của khu bảo tàng được quy hoạch cộng sinh với cư dân và du khách. Hoạt động dịch vụ thương mại, kinh doanh các sản vật nông nghiệp và hội chợ nông nghiệp được tổ chức thường xuyên ở khu vực này.

### **22.1. Dự kiến nội dung hoạt động khu hoạt động trải nghiệm cảnh đồng quê mang tính giáo dục**

### 22.1.1.HOẠT ĐỘNG BAN NGÀY

Có Kho khô, kho lạnh lưu trữ thực phẩm , quán ăn có bãi xe lên xuống hàng, có hệ thống dịch vụ , hệ thống thương mại , hỗ trợ đóng gói và vận chuyển của khu vực " bảo tàng sống" trải nghiệm.

Trạm dừng chân với hệ thống shop, nhà vệ sinh sạch sẽ, nơi nghỉ ngơi cho tài xế, phòng nghỉ tiện nghi vừa đủ cho bạn hàng.

Có hạ tầng đầy đủ, hệ thống xử lý rác, nước thải đúng tiêu chuẩn .

### 22.1.2.HOẠT ĐỘNG BAN ĐÊM

Hoạt động trung bày “thiên nhiên” ban đêm có 2 loại : tĩnh và động .

a.Hoạt động Tĩnh : là khám phá thiên nhiên vào ban đêm (tối hẳn) trên xuồng để ngắm sao , trăng trên kinh rạch , hay ngồi xuồng chèo đi vào vườn xem đom đóm.

Nghe tiếng các con vật: cóc nhái, ếch ương, bù tọt, chim, cò, vạc sành kêu sương....

b.Hoạt động ”động” là văn nghệ các tỉnh Miền Tây cùng các hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo định kỳ của các dân tộc : Kinh, Khmer, Hoa, Chăm Islam.

Ở khu vực trải nghiệm:

Khách sẽ được nghỉ trong các homestay tái hiện cảnh sống làng quê thế kỷ trước. Để trải nghiệm nếp sống đặc thù của cộng đồng làng xã nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu long.

**22.2.Khu trải nghiệm nông nghiệp:** Kết hợp với tour du lịch và homestay.

22.2.1.Tour các công việc nhà nông: từ cày, bừa, làm cỏ, dọn ruộng, gieo mạ gặt, đập, phơi, giê, giã, giùm, sàng , thu hoạch đến nấu cơm ...

Tour Làm bánh: ngâm gạo, xay bột, làm bánh.

22.2.2. Tour Cá: nuôi cá, cho cá ăn, đánh bắt cá: giăng lưới, cắm câu... làm cá theo cách chế biến món .

22.2.3. Tour Rau, gia vị: trồng rau, hái rau, rửa rau làm ra món

22.2.4. Tour Chèo ghe : hướng dẫn chèo ghe đi câu, đánh lưới, hái trái và chở trái cây ra chợ nổi, đi chợ nổi

22.2.4. Tour Trèo cây, hái trái, theo mùa

22.2.5.Tour Chăn trâu, chăn bò, tắm trâu bò, đi cày, đi bừa...

22.2.6. Tour chăn vịt, gà, vịt chạy đồng , lượm trứng ...

22.2.7.Tour học nấu rượu

22.2.8. Tour làm mắm, làm nước mắm, ra món mắm

22.2.9. Tour làm khô , phơi khô, vô bao bì , đóng gói

22.2.10. Tour cắt lác, phơi lác ,dệt chiếu...

22.2.11. Tour cắt bàng, giã bàng , phơi bàng , đưng bàng ...

**22.3. Khách tham gia các hoạt động trải nghiệm:** ngủ, nghỉ, ẩm thực...đồng bằng sông Cửu long trong các ngôi nhà truyền thống, dưới dạng homestay nhiều cấp độ: (một sao – nhà tá điền, hai sao: nhà thầy đồ, phú nông /ba sao: nhà địa chủ, bốn sao, năm sao: nhà Đại địa chủ, điền chủ, hay các Nhà cự phú Miền tây xưa)để trải nghiệm cuộc sống nông thôn.

22.3.1. Khách tham gia các phương tiện giao thông đến từng điểm ăn uống hay dịch vụ bằng cách: đi xe ngựa, xe bò, xe đạp trong các đường quê quanh ruộng lúa. Hoặc chèo ghe, đi ghe đến các bến sông, đầu chợ để mua sắm hay trải nghiệm.

22.3.2. Tái hiện các hoạt động của sự kiện lễ hội theo từng tháng /12 tháng hoặc giao lưu không thường kỳ trong năm: Đua ghe ngo, đua bò, đua chèo xuồng, leo dừa, leo cau, đi cầu khỉ, thi làm cốm, gói bánh tét, thắt lá dừa, lùa vịt, lùa heo.

22.3.3. Các khóa học ngắn ngày trải nghiệm như: dạy bơi sông, chèo ghe, xuồng , cày ,bừa, dệt chiếu, đưng lác, nấu ăn , làm bánh , rền ...

22.3.4. Khách đi tham quan các vùng bằng du lịch tàu đò, ghe bầu để thưởng thức văn minh sông nước, tổ chức đám cưới trên ghe bầu, tổ chức hát chập , đờn ca tài tử ...theo tuyến du lịch vài ngày trên sông Tiền, Sông Hậu theo dạng du thuyền đi qua nhiều Tỉnh hoặc qua các nước lân cận, du thuyền (ghe bầu được trang bị kỹ thuật hiện đại, có thuyền cứu sinh, phao cứu sinh, thiết bị SOS) theo phong cách Việt Nam.

22.3.5. Khu trải nghiệm trò chơi dân gian : trên cạn, dưới nước: đu tiên , đu giàn xoay, đu rút, kéo co, leo cột mỡ, đẩy cây, đi cầu tùm, nhảy bao bố, đập niêu đất, bịt mắt bắt dê, đua ghe, lùa vịt , gà ...

Thi: hát, hò, lý, nói vè, nói thơ (Lục vân Tiên, Lâm sanh Xuân nương...), thi cày, phát thê, phát thiếp, thi gói bánh, làm bánh...

**22.4. Thi chọn đạt giải vương miện từng mùa theo từng Hội thi** (tổ chức ở sân Lễ hội, giao thương nông sản).

Hội thi Lúa :loại gạo ngon, chất lượng tốt, bảo quản được zen quý, xong đấu giá chọn người bao mua của Mùa

Hội thi trái cây: (đấu giá các trái cây ngon nhưt,đẹp nhưt, sạch , chất lượng của gia đình hay nhà vườn) để mua bán hay bảo tồn giống cây(cam, chanh ,xoài,ổi ,dừa, chuối, mận, thom...)

Hội thi Giống tốt : gia cầm, gia súc, thủy hải sản.

Hội thi Món ăn và cách chế biến.

Thi hát: đờn ca tài tử, thi hát vọng cổ để bảo tồn di sản phi vật thể.

### **XXIII. CÁC YÊU CẦU KHÁC CHO NỘI THẤT HIỆN VẬT TRUNG BÀY**

Yêu cầu về phương tiện, thiết bị: số hóa các hiện vật , phục vụ cho trưng bày bằng kỹ thuật trình chiếu hiện đại, tích hợp âm thanh, hình ảnh, clip 3 D, mapping... để trưng bày tất cả các chủ đề.

Một số khu vực trưng bày hiện vật được kiểm soát bằng vi khí hậu.

Các khu vực trưng bày được chiếu sáng chuyên ngành.

Các không gian tương tác được thiết kế liên hoàn, quy trình hợp lý, chi phí phù hợp.

Khu vực giao thương và lễ hội xây dựng sàn và hệ thống chiếu sáng , vệ sinh , hạ tầng TTLL đạt chuẩn triển lãm , không xây dựng kiên cố mà có giải pháp linh hoạt trong hoạt động như một ngôi chợ phiên .

**23.1. Mục đích, chức năng của khu trưng bày ngoài trời:** Trưng bày các hiện vật ngoài trời, kích thước lớn, chịu đựng được thời tiết liên quan đến hoạt động sản xuất trong nông nghiệp.

Cho khách tham quan chụp ảnh, check in để giải trí và quảng bá du lịch.

Liên kết với các hoạt động ở khu trải nghiệm.

Tổ chức các sự kiện, hội chợ, triển lãm thương mại về nông nghiệp quy mô vừa, lớn, thường xuyên.

**23.2. Trưng bày định kỳ:** Thiết bị, máy móc, nông nghiệp phục vụ khách tham quan và tìm hiểu và giao thương.

Tạo các chủ đề giao thương du lịch, thương mại của khu trải nghiệm và khu trưng bày ngoài trời:

**23.3. Xây dựng và vận hành các khu dịch vụ:** như đóng gói, giao hàng, vận chuyển hàng hóa cho các đại lý, đơn vị kinh doanh với nhiều tiện ích phù hợp. Tùy theo mục đích sử dụng, nhưng cần đầy đủ hạ tầng cơ sở: điện , cấp thoát nước, hệ thống mạng, hệ thống thu gom rác thải, hệ thống PCCC, camera, nơi nghỉ, nhà vệ sinh phù hợp.

### **XXIV. SƯU TẬP CỔ VẬT (dự kiến)**

Các đề xuất sưu tập trong tương lai phục vụ trưng bày:

**24.1. Suu tập công cụ lao động:** nông cụ các loại, ngư cụ, bẫy, dụng cụ chế tác (đóng ghe, mộc, mỹ thuật, chạm khắc, tô vẽ...) của các ngành nghề khác liên quan đến nông nghiệp.

**24.2.Các phương tiện vận chuyển:** cộ, xe, ghe, xuồng...

### **24.3. Các vật dụng sinh hoạt của nông dân**

24.3.1. Dụng cụ nấu ăn: bếp, nồi, niêu, chảo, tráp, chén đĩa, muông, đũa...

24.3.2. Ông táo, cà ràng, ống thổi lửa... bằng nhiều chất liệu.

24.3.3. Các loại khuôn làm bánh.

24.3.4. Trầu cụ/ dụng cụ ăn trầu (ô trầu, nồi vôi, bình vôi, ống ngoáy, ống nhỏ...)

24.3.5. Thuốc cụ / hút thuốc: thuốc rê, giấy quỳn, ống điếu, bàn đèn, đồ đánh lửa, diêm, quẹt, tẩu thuốc, hộp đựng thuốc...qua các thời kỳ.

24.3.7. Các loại nhạc cụ : đàn trống, sáo ...

24.3.8. Trà cụ : bình trà , chung trà , tách trà, ly, bình giữ ấm trà bằng trái dừa, tre ...

24.3.9. Rượu cụ : bình , chai, ly, chung, nhạo...

24.3.10. Ngọa cụ ; giường , ghé, võng, chông, bằng nhiều chất liệu : gỗ, tre, kim loại, gói kê nhiều chất liệu, mùng, mền ...

24.3.11. Nôi , cũi trẻ con bằng nhiều chất liệu : gỗ , tre, mây, vải ...

24.3.12. Bộ đồ nghề hớt tóc : lược, trâm, kéo, dao cạo , mài dao...đồ lấy rái tai :bằng nhiều chất liệu : kim loại, tre, lông gà, vịt...

24.3.13. Các loại đồ đựng nhiều chất liệu : muông dừa ,gốm , gỗ, bô, cà tăng, thủy tinh, đá, quặng, thùng, lu, ảng , hũ, ghé, bội, vệm, tĩn , thùng chượm mắm..

Các loại giỏ xách, tưng bàng, dãi, ruột tượng, ruột nghe, xâu, túi đựng tiền ,xà tích...

24.3.14. Dụng cụ chế biến thực phẩm : cối xay lúa, cối xay bột, bàn nghiền, bàn nạo, cối giã (đá, gỗ , gốm)

24.3.15. Dụng cụ đo lường: cân, tầm , thước, thùng, vuông, táo, giạ, lon, lít...Quặng , ống thụt dầu, gáo múc bằng dừa, tre, gỗ, thiếc , inox...

24.3.16. Dụng cụ may, thêu ,móc, đan ( rổ may,kéo ,thước dây, thước gỗ,phấn , kim chỉ, suốt, đê, sáp, cái vạch ,bàn ủi đồng, bàn ủi sắt ...

24.3.17. Trang phục , trang sức : quần áo, giày dép, guốc, mũ ,nón, gậy, dù ,lọng... nhiều chất liệu. Áo toại, quạt các loại chất liệu , khăn các loại ( khăn vấn đầu), gương lược, dầu dừa, trâm cài, son, má phấn ...

**24.4. Tượng:**

24.4.1. Sưu tập tượng Phật, Bồ Tát

24.4.2. Tượng Ông địa

24.4.3. Sưu tập tượng mục đồng

24.5. Thủ công mỹ nghệ:

24.5.1. Sưu tập tranh cần ôc, tranh khắc gỗ thời Nguyễn

24.5.2. Đồ gốm (da bò, da lươn, gốm đất đen, đất đỏ, gốm vẽ...)

**24.6 Sưu tập các giống cây, con** trong khu trải nghiệm, tương tác

**24.7. Sưu tập các bộ xương:** Voi, Cọp, Cá Sấu, Cá ông phục vụ trưng bày thiên nhiên đồng bằng sông cửu long thời khẩn hoang.

**24.8. Sưu tập các hiện vật khác có liên quan đến nông nghiệp** và đời sống nông thôn.

Chúng tôi rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của các chuyên gia.

Trân trọng cảm ơn.

Chủ trì

HUỲNH NGỌC TRẢNG

**SÁCH ĐÃ DẪN CỦA ĐỀ CƯƠNG TRUNG BÀY BẢO TÀNG NÔNG NGHIỆP  
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

<b>STT</b>	<b>TÊN SÁCH</b>	<b>CHỦ BIÊN</b>	<b>NHÀ XUẤT BẢN</b>	<b>NĂM XB</b>
1	The Rice book	Sri Owen		
2	Vùng đất Nam Bộ -Tập 1- Điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái	Trương Thị Kim Chuyên	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật	
3	Vùng đất Nam Bộ -Tập 2 Từ cội nguồn đến thế kỷ VII	Vũ Minh Giang - Nguyễn Việt	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật	
4	Vùng đất Nam Bộ -Tập 3 Từ thế kỷ VII đến thế kỷ XVI	Nguyễn Văn Kim	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật	
5	Vùng đất Nam Bộ -Tập 4 Từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX	Nguyễn Quang Ngọc	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật	
6	Vùng đất Nam Bộ -Tập V- Từ năm 1859 đến năm 1945	Đoàn Minh Tuấn - Nguyễn Ngọc Hà	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật	
7	Vùng đất Nam Bộ -Tập VI - Từ năm 1945 đến năm 2010	Trần Đức Cường	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật	
8	Vùng đất Nam Bộ -Tập VII Đặc trưng tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa	Ngô Văn Lê	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật	
9	Vùng đất Nam Bộ -Tập VIII Thiết chế Quản lý xã hội	Vũ Văn Quân	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật	
10	Vùng đất Nam Bộ -Tập IX - Tộc người và Quan hệ tộc người	Võ Công Nguyên	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật	
11	Vùng đất Nam Bộ -Tập X - Tiền trình hội nhập khu vực và thế giới	Võ Văn Sen	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật	
12	Việt Nam - Thắng cảnh - Tập 1	Tạ Thị Bảo Kim	Phổ thông	1978
13	Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Từ Dinh Long Hồ đến tỉnh Vĩnh Long ngày nay"	Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh ủy Vĩnh Long		2022
14	Nông Nghiệp Đồng bằng Sông Cửu Long	Giáo sư Dương Hồng Hiên (Phó Đồng lý)	Bộ Canh Nông (VNDCCH)	14/04/1950

15	Sản xuất lúa và tác động của biến đổi khí hậu ở Đồng bằng Sông Cửu Long	Lê Anh Tuấn	Thời báo Kinh tế Sài Gòn NXB Tổng hợp TP.HCM	
16	Đồng bằng sông Cửu Long đón chào thế kỷ 21		NXB Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh	
17	Quy hoạch Đô thị & Kiến trúc ở Đông Dương	Nhiều tác giả - Chiến Kiệt dịch	NXB Mỹ Thuật	
18	Bộ sưu tập Ngu cụ nội địa vùng ĐBSCL	Nguyễn Nguyễn Du, Claire Smallwood, Nguyễn Văn Hào, Nguyễn Xuân Trinh, Nguyễn Trọng Tín		
19	Chất ngọc Võ Văn Kiệt	Nguyễn Chiến Thắng	NXB Trẻ	
20	Văn hóa người Hoa Nam Bộ	Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Tp.HCM	NXB Văn hóa - Văn nghệ	
21	Chuyện cũ ở Sóc - Trăng - Di cảo Tập 1	Vương Hồng Sến	NXB Trẻ	
22	Những nền văn minh thất lạc	Hà Sơn (biên soạn)	NXB Hà Nội	
23	Tổng tập Văn học Dân gian Nam bộ - Truyện kể dân gian Nam bộ - Quyển 1	Huỳnh Ngọc Trảng - Phạm Thiều Hương (biên soạn)	NXB Văn hóa - Văn nghệ	
24	Tổng tập Văn học Dân gian Nam bộ - Truyện kể dân gian Nam bộ - Quyển 3	Huỳnh Ngọc Trảng - Phạm Thiều Hương (biên soạn)	NXB Văn hóa - Văn nghệ	
25	Tổng tập Văn học Dân gian Nam bộ - Truyện kể dân gian Nam bộ - Quyển 4	Huỳnh Ngọc Trảng - Phạm Thiều Hương (biên soạn)	NXB Văn hóa - Văn nghệ	
26	Tổng tập Văn học Dân gian Nam bộ - Ca dao-Dân ca Nam bộ - Quyển 1	Huỳnh Ngọc Trảng - Phạm Thiều Hương (biên soạn)	NXB Văn hóa - Văn nghệ	
27	Tổng tập Văn học Dân gian Nam bộ - Ca dao-Dân ca Nam bộ - Quyển 2	Huỳnh Ngọc Trảng - Phạm Thiều Hương (biên soạn)	NXB Văn hóa - Văn nghệ	
28	Tổng tập Văn học Dân gian Nam bộ - Ca dao-Dân ca Nam bộ - Quyển 3	Huỳnh Ngọc Trảng - Phạm Thiều Hương (biên soạn)	NXB Văn hóa - Văn nghệ	

29	Tổng tập Văn học Dân gian Nam bộ - Ca dao-Dân ca Nam bộ - Quyển 4	Huỳnh Ngọc Trảng - Phạm Thiếu Hương (biên soạn)	NXB Văn hóa - Văn nghệ	
30	Nam Kỳ và cư dân các tỉnh miền Đông	J.C.Baurac - Huỳnh Ngọc Linh dịch	NXB Tổng hợp TP.HCM	
31	Nam Kỳ và cư dân các tỉnh miền Tây	J.C.Baurac - Huỳnh Ngọc Linh dịch	NXB Tổng hợp TP.HCM	
32	Hồi ký Sơn Nam -Từ U Minh đến Cần Thơ	Sơn Nam	NXB Trẻ	
33	Lịch sử khẩn hoang Miền Nam	Sơn Nam	NXB Trẻ	
34	ĐBSCL Nét sinh hoạt xưa - Văn minh miệt vườn	Sơn Nam	NXB Trẻ	
35	Nói về Miền Nam - Cá tính Miền Nam -Thuần phong mỹ tục Việt Nam	Sơn Nam	NXB Trẻ	
36	Hương rừng Cà Mau và các truyện khác	Sơn Nam	NXB Trẻ	
37	Nghệ thuật Phật giáo & Hindu giáo ở ĐBSCL trước thế kỷ X	Lê Thị Liên	NXB Thế giới	
38	Khảo cổ học Long An những thế kỷ đầu Công nguyên	Sở Văn hóa thông tin Long An Bảo tàng Long An		2001
39	Văn hóa vật chất và Văn hóa xã hội thời kì Đại Việt	Nguyễn Xuân Kính (Chủ biên) Nguyễn Duy Hình - Trần Bình - Vũ Hoàng Hiếu	NXB Hồng Đức	
40	Thần Đất - Ông Địa & Thần Tài	Huỳnh Ngọc Trảng	NXB Văn hóa - Văn nghệ	
41	Nhân dân Vĩnh Long với Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt	Ban Tuyên giáo tỉnh Vĩnh Long		2022
42	Văn hóa Óc eo- Những phát hiện mới khảo cổ học tại di tích Óc eo - Ba thê và Nền chùa 2017-2020	PGS.TS.Bùi Minh Trí - TS. Nguyễn Gia Đồi -TS. Nguyễn Khánh Trung Kiên	NXB Khoa học Hà Nội	2022
43	Những ngày cuối của dòng Mekong hùng vĩ	Brian Eyler - Nguyễn Đình Huỳnh dịch	NXB Phụ nữ Việt Nam	

44	Đầm lầy Kiến tạo quốc gia và tự nhiên vùng ĐBSCL	David Biggs - Trịnh Ngọc Minh dịch	NXB Hồng Đức	
45	Mekong Dòng sông nghìn mạch - ký sự	Ngô Thế Vinh	NXB Giấy Vụn	
46	Sông Meekong hay Sông Cửu Long với biến đổi khí hậu toàn cầu	Ngô Lực Tải	NXB Tổng hợp TP.HCM	
47	Mùa nước nổi trong đời sống văn hóa ĐBSCL	Nguyễn Hữu Hiếu (biên khảo)	NXB Văn hóa - Văn nghệ	
48	Khủng hoảng môi trường có phải nguy cơ hết thuốc chữa?	Trần Văn Chán	NXB Tổng hợp TP.HCM	
49	Lịch sử Mỹ thuật Viễn đông	Sherman E.Lee	NXB Mỹ Thuật	
50	Đình Nam bộ Xưa & Nay	Huỳnh Ngọc Trảng - Trương Ngọc Tường	NXB Văn hóa - Văn nghệ	
51	Sổ tay hành hương Đất phương Nam	Phân viện Văn hóa Nghệ thuật VN tại TP.HCM	NXB Văn hóa dân tộc	
52	Nam Kỳ phong tục nhơn vật điển ca chú thích	Nguyễn Liên Phong	NXB Văn hóa - Văn nghệ	
53	Điều cổ Hạ Kim thi tập	Nguyễn Liên Phong	NXB Văn hóa - Văn nghệ	
54	Di tích lịch sử - văn hóa An Giang	Bảo tàng An Giang		2012
55	Địa chí Cai Lậy	Huyện ủy - UBND huyện Cai Lậy		2010
56	Địa chí Bến Tre	Huyện ủy - UBND		
57	Địa chí Long An		NXB Long An NXB Khoa học-Xã hội	
58	Địa chí Cần Thơ	Tỉnh ủy, UBND tỉnh Cần Thơ		
59	Địa chí tỉnh Sóc Trăng	Tỉnh ủy - UBND tỉnh Sóc Trăng	NXB Chính trị Quốc gia	
60	Địa chí Tiền Giang - Tập II			2007
61	Cát Tiên Mê cung của các Thần linh	Đinh Thị Nga	NXB Trẻ	
62	Đời sống xã hội - kinh tế văn hóa của ngư dân và cư dân vùng biển Nam Bộ	Phan Thị Yến Tuyết	NXB ĐH Quốc gia TP.HCM	
63	Một góc nhìn về Văn hóa Biển	Nguyễn Thanh Lợi	NXB Tổng hợp TP.HCM	

64	Tìm hiểu văn hóa Vĩnh Long (1732-2000)	Ban Tuyên giáo tỉnh Vĩnh Long	NXB Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh	
65	Địa chí Đồng Tháp Mười	Hội đồng Khoa học xã hội TP.HCM	NXB Chính trị Quốc gia	
66	Đế quốc An Nam và Người dân An Nam	Jules Silvestre - Phan Tín Dụng dịch	NXB Đà Nẵng	
67	Chế độ Thực dân Pháp trên đất Nam Kỳ 1859-1954, Tập 1	Nguyễn Đình Tư	NXB Tổng hợp TP.HCM	
68	Chế độ Thực dân Pháp trên đất Nam Kỳ 1859-1954, Tập 2	Nguyễn Đình Tư	NXB Tổng hợp TP.HCM	
69	Ngành đóng thuyền và tàu thuyền ở Việt Nam thời Nguyễn	Trần Đức Anh Sơn	NXB Văn hóa - Văn nghệ	
70	Từ điển hiện vật văn hóa các dân tộc Việt Nam	PGS.TS. Nguyễn Văn Huy	NXB Giáo dục	
71	Classic Wooden Fishing Boats of the Vietnamese Coast	Ken Preston	NXB Phụ nữ Việt Nam	